Bản tin
Khuyến nông
Việt Nam

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 06 | 2026



Khuyến nông Việt Nam 1993

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
PGS.TS. Lê Quốc Thanh

BAN BIÊN TẬP
ThS. Hoàng Văn Hồng
TS. Lê Minh Lịnh
TS. Huỳnh Kim Định
ThS. Cao Minh Tuấn
ThS. Đỗ Phan Tuấn
ThS. Nguyễn Bá Tiến
TS. Hoàng Tuyển Phương
ThS. Đặng Xuân Trường
TS. Nguyễn Đức Hải
ThS. Doãn Văn Chiến

THƯ KÍ BIÊN TẬP
ThS. Đỗ Thị Việt Oanh

TRỤ SỞ TÒA SOẠN
16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
ĐT: 024. 3728 2485
Email: tthlknqg@gmail.com
Website: khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản
số 26/GP-XBBT
ngày 22 tháng 6 năm 2026
Số lượng: 3.000 bản/số
Nơi in: Công ty Cổ phần In Hà Nội

Bìa 1: Mùa măng mai Lâm Thượng- Lào Cai.
Ảnh: CTV

TRONG SỐ NÀY

Thông tin chủ trương, chính sách nông nghiệp và môi trường

1. Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh động vật cuối năm 2026
2. Minh bạch nguồn gốc - nền tảng phát triển nghề cá bền vững
4. AAAP 2026: Kết nối khoa học, công nghệ vì chăn nuôi bền vững

Hoạt động khuyến nông

6. Từ những đàn gà giống đến hành trình phục hồi sinh kế ở Làng Nủ
9. Khuyến nông đồng hành cùng nông dân chủ động thích ứng hạn mặn
12. Hà Nội: Đổi mới tư duy sản xuất, tăng cường chuỗi giá trị nông sản an toàn
14. Khuyến nông thúc đẩy chăn nuôi an toàn gắn với chuỗi giá trị
16. Bắc Ninh: Chuẩn hóa sản xuất, nâng cao giá trị cây ăn quả
18. Phát triển ngành hàng cà phê gắn với tăng trưởng xanh và hội nhập quốc tế

Sự kiện khuyến nông

20. Ứng dụng khoa học công nghệ - động lực phát triển nuôi tôm nước lợ bền vững
22. Tuyên Quang chủ động phòng, chống đói rét và dịch bệnh, bảo vệ đàn trâu, bò

Xây dựng nông thôn mới

24. Hà Nội xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030

Mô hình, điển hình tiên tiến

25. Hà Tĩnh: Triển vọng từ mô hình nuôi đà điểu thương phẩm
26. Chuyển đổi cây trồng trên đất lúa thiếu nước thích ứng với khô hạn
28. Cà phê Bích Thao Sơn La - điểm sáng trong phát triển cà phê bền vững
30. Khai thác hiệu quả mặt nước từ mô hình nuôi cá kết hợp nuôi ếch
32. Lào Cai: bí quyết chăm sóc đàn ong nội vượt qua mùa khan hiếm mật

Khoa học kỹ thuật và công nghệ

34. Quy trình 5 bước phục hồi cây sầu riêng sau hạn, mặn
36. Giới thiệu công nghệ mới trong khai thác và bảo quản hải sản trên biển
38. Quản lý thức ăn cho tôm hùm nuôi lồng
40. Giải pháp thú y cho vịt con trong giai đoạn đầu
41. Tăng cường an toàn sinh học trong chăn nuôi
44. **Tin thị trường**



TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT CUỐI NĂM 2026

Để chủ động phòng, chống dịch bệnh động vật, bảo đảm nguồn cung thực phẩm các tháng cuối năm 2026 và Tết Nguyên đán Đinh Mùi 2027, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các sở, ngành, chính quyền cấp xã của địa phương triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo đúng quy định của Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trong đó chú trọng tổ chức triển khai những nội dung sau:

1. Xử lý kịp thời, hiệu quả các ổ dịch bệnh động vật đang xảy ra trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo dịch bệnh động vật qua Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật trực tuyến (VAHIS) theo đúng quy định hiện hành.

2. Khẩn trương hoàn thành tiêm phòng đại trà đợt II/2026 cho đàn vật nuôi và thường xuyên triển khai tiêm phòng bổ sung vắc - xin phòng bệnh cho các đàn vật nuôi mới phát sinh hoặc sắp hết miễn dịch trong những tháng cuối năm.

3. Chủ động giám sát dịch bệnh động vật, nhất là tại các khu vực đã từng có dịch bệnh xuất hiện, khu vực có nguy cơ cao để phát hiện sớm, cảnh báo và xử lý dứt điểm khi dịch bệnh mới được phát hiện; phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp giấu dịch, chậm báo cáo dẫn đến dịch bệnh lây lan rộng, gây ảnh hưởng cho người dân và cộng đồng.

4. Tăng cường công tác kiểm dịch, kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật; tổ chức ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trái phép qua biên giới; chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý thị trường và các cơ quan liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp buôn bán, vận chuyển, giết mổ động vật, chế biến các sản phẩm không bảo đảm yêu cầu về phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

5. Hướng dẫn người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp an toàn sinh học; kiểm soát con giống, thức ăn, nước, người, phương tiện ra vào; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng bằng vôi bột, hoá chất phù hợp tại khu vực chuồng nuôi, nuôi trồng thủy sản và khu vực xung quanh có nguy cơ cao; có biện pháp ngăn chặn các loài véc tơ truyền bệnh xâm nhập vào khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phun thuốc sát trùng, thuốc diệt các loài véc tơ truyền bệnh.

6. Củng cố và tăng cường năng lực hệ thống thú y các cấp theo quy định của Luật Thú y, đặc biệt là hệ thống thú y cấp xã tại địa phương để bảo đảm nguồn lực tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh động vật.

7. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức, nội dung phù hợp với từng đối tượng và nguy cơ, tác hại của dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

8. Tổ chức xây dựng, trình phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật (động vật trên cạn và thủy sản) tại địa phương năm 2027 gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Chăn nuôi và Thú y) trước ngày 30/12/2026. Nội dung Kế hoạch cần đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện các nội dung phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn và triển khai có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch quốc gia phòng, chống dịch bệnh động vật đối với bệnh Dại, bệnh Viêm da nổi cục, bệnh Cúm gia cầm, bệnh Lở mồm long móng và bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

BBT



MINH BẠCH NGUỒN GỐC NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN NGHỀ CÁ BỀN VỮNG

Chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) không chỉ nhằm thực hiện khuyến nghị của Ủy ban châu Âu (EC), mà còn là yêu cầu xây dựng nghề cá có trách nhiệm. Từ quản lý đội tàu, giám sát hành trình đến số hóa dữ liệu chuyến biển và truy xuất nguồn gốc, ngành thủy sản đang hướng tới quản lý minh bạch, có khả năng kiểm chứng đến từng lô hàng.

Quản lý đội tàu và giám sát hoạt động khai thác

Theo Cục Thủy sản và Kiểm ngư, đến ngày 31/10/2026, cơ sở dữ liệu nghề cá quốc gia (VNFishbase) ghi nhận trên 79.889 tàu cá có chiều dài từ 6m trở lên, trong đó trên 27.432 tàu từ 15m trở lên; khoảng 96,8% tàu thuộc diện thống kê có giấy phép khai thác còn thời hạn, 23.126 tàu từ 15m trở lên đã lắp thiết bị giám sát hành trình (VMS).

Hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác điện tử (eCDT) đã triển khai tại 174 cảng cá; 265 tài khoản được cấp cho các đồn, trạm biên phòng để đối chiếu thông tin tàu rời, cập cảng; 105 doanh nghiệp thực hiện báo cáo phân loại nguyên liệu tại nhà máy. Các hệ thống này tạo nền tảng liên kết thông tin đội tàu, chuyến biển, sản lượng qua cảng và nguồn nguyên liệu.

Số trường hợp tàu cá bị nước ngoài bắt giữ giảm từ 65 năm 2023 xuống 58 năm 2024 và 35 năm 2025; chín tháng đầu năm 2026 vẫn ghi nhận 13 trường hợp, riêng tháng 10 có 4 trường hợp. Cả nước còn 5.850 tàu không đủ điều kiện hoạt động. Đối với 38 khuyến nghị của EC, 32 khuyến nghị đã thực hiện đầy đủ và có kết quả kiểm chứng; 4 khuyến nghị tiếp tục hoàn thiện, hai khuyến nghị đang trao đổi, làm rõ. Kết quả tích cực đi cùng yêu cầu xử lý dứt điểm những khoảng trống trong quản lý.

Chuẩn hóa dữ liệu kiểm chứng để truy xuất từng lô hàng

Điểm mới trong công tác chống IUU là chuyển từ báo cáo tổng hợp sang kiểm chứng được từng hoạt động, xác định bốn nhóm dữ liệu cần liên thông, đó là: quản lý đội tàu; giám sát hoạt động; truy xuất nguồn gốc; xử lý vi phạm. Mỗi hồ sơ phải có thông tin kết nối về mã tàu, chuyến biển hoặc vụ việc, địa phương và thời điểm phát sinh.

Trước chuyến biển, thông tin đăng ký, đăng kiểm, giấy phép và tình trạng thiết bị VMS (Hệ thống giám sát hành trình tàu cá) cần được kiểm tra. Trong chuyến biển, hành trình, cảnh báo và các sự cố phải được ghi nhận, xử lý có chứng cứ. Khi tàu cập cảng, nhật ký khai thác, loài, khối lượng hải sản và biên nhận phải đối chiếu với thực tế bốc dỡ. Giấy xác nhận, chứng nhận nguồn gốc cần liên kết đúng tàu, chuyến biển và lượng nguyên liệu. Doanh nghiệp tiếp tục đối chiếu dữ liệu nhập kho, phân loại, chế biến và tồn kho. Như vậy, từ một lô hàng có thể kiểm tra ngược về chuyến biển, tàu cá và các chứng từ liên quan. Dữ liệu phải được cập nhật khi sự kiện phát sinh, lưu lịch sử điều chỉnh; kể cả kết luận không vi phạm cũng cần chứng cứ. Việc có phần mềm không đồng nghĩa đã truy xuất đầy đủ nếu hồ sơ, dữ liệu và thực tế chưa thống nhất.

Nhiệm vụ trọng tâm đến cuối năm 2026

Theo Cục Thuỷ sản và Kiểm ngư, nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện hồ sơ kiểm chứng các khuyến nghị của EC, cơ bản hoàn thành cập nhật dữ liệu eCDT vào cuối năm 2026; đối soát VNFishbase, VMS, eCDT với hồ sơ tại cảng, biên phòng và kết quả xử lý vi phạm. Các địa phương cần kiểm soát tàu không đủ điều kiện, tàu nguy cơ cao, xử lý cảnh báo mất kết nối VMS và những vụ việc tồn đọng.

Yêu cầu xuyên suốt là mục tiêu "5 không": không phát sinh tàu cá bị nước ngoài bắt giữ; không để



Lực lượng chức năng kiểm tra hoạt động của tàu cá trên biển

tàu không đủ điều kiện tham gia khai thác; không để vụ việc vi phạm VMS kéo dài không xử lý; không để lô hàng thủy sản không truy xuất được nguồn gốc; không để số liệu báo cáo khác với dữ liệu và hồ sơ thực tế.

Bên cạnh kiểm tra, giám sát, cần nâng cao năng lực sử dụng hệ thống điện tử cho cán bộ cơ sở, cảng cá, lực lượng kiểm soát, doanh nghiệp, chủ tàu và thuyền trưởng; thực hiện đối soát, khắc phục sai khác ngay từ nơi phát sinh dữ liệu.

Một số định hướng để quản lý nghề cá phát triển bền vững

Tuân thủ IUU phải bắt đầu từ từng chuyến biển. Chủ tàu kiểm tra điều kiện hoạt động, giấy phép và thiết bị VMS trước khi ra khơi; thuyền trưởng khai thác đúng vùng biển, duy trì thiết bị theo quy định, ghi nhật ký đầy đủ và thực hiện quy trình khi xảy ra sự cố. Khi cập cảng, cần khai báo, đối chiếu sản lượng, cung cấp chứng từ để xác nhận nguồn gốc.

Thứ nhất, hoạt động tuyên truyền, tập huấn và khuyến ngư cần hướng dẫn theo quy trình thực tế của một chuyến biển, giúp ngư dân làm chủ thiết bị giám sát, nhật ký và thủ tục truy xuất. Đồng thời, hướng dẫn ứng dụng kỹ thuật khai thác, bảo quản sau thu hoạch, giảm tổn thất và nâng cao chất lượng nguyên liệu; các cơ sở thu mua, chế biến cần kiểm tra nguồn gốc khi tiếp nhận, quản lý thông tin từng lô hàng.

Thứ hai, mỗi cảng cá và địa phương cần rà soát những điểm nghẽn phát sinh dữ liệu: chưa khớp số đăng ký; thiếu thông tin chuyến biển; không thể liên kết biên nhận với SC/CC; cảnh báo VMS chưa hoàn tất xác minh; tàu neo đậu nhưng thiếu thông tin trạng thái. Các điểm nghẽn phải được giao đầu mối và thời hạn xử lý cụ thể, bảo đảm dữ liệu sau khi sửa có lưu vết và có chứng từ chứng minh.

Thứ ba, cần gắn tuân thủ IUU với đổi mới kỹ thuật trong khai thác, bảo quản và nâng cao chất lượng nguyên liệu. Các công nghệ giám sát, nhật ký điện tử, cảng cá số và giải pháp bảo quản sau khai thác góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả sản xuất. Việc tuân thủ quy định, quản lý sản lượng và lưu giữ hồ sơ nguồn gốc cần được coi là một bộ phận của mục tiêu nâng cao giá trị hải sản và phát triển nghề cá có trách nhiệm.

Thứ tư, tăng cường cơ chế phối hợp quản lý nhà nước – cảng cá – lực lượng kiểm soát – doanh nghiệp – ngư dân; công khai đầu mối hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức kiểm tra chéo theo hồ sơ cụ thể và lấy khả năng truy xuất ngược làm tiêu chí đánh giá chất lượng cập nhật dữ liệu.

Chống IUU vì thế không dừng ở mục tiêu đáp ứng khuyến nghị của EC. Khi chuyến biển được quản lý đúng quy định, nguồn gốc hải sản có thể kiểm chứng và các chủ thể cùng thực hiện trách nhiệm, nghề cá Việt Nam có thêm nền tảng nâng cao độ tin cậy, khả năng tiếp cận thị trường và phát triển bền vững.

5 VIỆC CHỦ TÀU, THUYỀN TRƯỞNG VÀ NGƯ DÂN CẦN THỰC HIỆN	
Kiểm tra điều kiện tàu	Bảo đảm đăng ký, đăng kiểm, giấy phép và các điều kiện hoạt động theo quy định.
Duy trì VMS	Giữ thiết bị hoạt động đối với tàu thuộc diện bắt buộc; không tự ý tháo, gửi thiết bị; báo cáo, xử lý sự cố đúng quy định.
Khai thác đúng vùng	Không vi phạm vùng biển nước ngoài; ghi nhật ký khai thác đầy đủ, chính xác.
Khai báo rời, cập cảng	Khai báo chuyến biển, loài và sản lượng; phối hợp kiểm tra, đối chiếu khi bốc dỡ.
Lưu chứng từ nguồn gốc	Cung cấp, lưu giữ nhật ký, biên nhận và hồ sơ phục vụ xác nhận, chứng nhận nguồn gốc.

HỒNG NGỌC



Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp phát biểu tại hội nghị

AAAP 2026: KẾT NỐI KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÌ CHĂN NUÔI BỀN VỮNG

Từ ngày 28–31/10/2026, tại Hà Nội, Hội nghị Khoa học Chăn nuôi Á – Úc lần thứ 21 (AAAP 2026) diễn ra với chủ đề "Chăn nuôi bền vững – Sustainable Animal Production". Hội nghị thu hút khoảng 1.800 đại biểu đến từ 45 quốc gia và vùng lãnh thổ, gồm các nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý, doanh nghiệp và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi.

Theo TS. Nguyễn Xuân Dương, Chủ tịch Hội Chăn nuôi Việt Nam, Chủ tịch AAAP 2026, sau gần hai thập kỷ kể từ lần Việt Nam đăng cai hội nghị vào năm 2008, ngành chăn nuôi trong nước đã có những bước phát triển đáng kể, hội nhập sâu rộng hơn với khu vực và thế giới. Một số lĩnh vực đạt thứ hạng cao trên thế giới, trong đó đàn lợn đứng thứ 6, đàn thủy cầm đứng thứ 2; công nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi, thuốc và vắc - xin thú y cũng thuộc nhóm dẫn đầu ASEAN.

Tuy nhiên, ngành đang đối mặt với nhiều thách thức như dịch bệnh, biến đổi khí hậu, phát thải khí nhà kính, ô nhiễm môi trường và cạnh tranh ngày càng lớn giữa các mô hình, quy mô sản xuất. Cùng với đó, sự phát triển của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi phương thức tổ chức, quản lý sản xuất và xu hướng tiêu dùng thực phẩm.

Trong bối cảnh đó, chủ đề "Chăn nuôi bền vững" được lựa chọn cho AAAP 2026 nhằm tập trung thảo luận các vấn đề khoa học, công nghệ và chính sách có tính chiến lược, góp phần định hình hướng phát triển của ngành trong giai đoạn mới.

Phát biểu tại hội nghị, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp nhấn mạnh vai trò của chăn nuôi đối với bảo đảm an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. Những năm qua, ngành đã từng bước mở rộng quy mô, đáp ứng cơ bản nhu cầu thực phẩm trong nước và có một số sản phẩm tiếp cận thị trường quốc tế. Tuy nhiên, liên kết chuỗi giá trị còn hạn chế, chi phí đầu vào cao, nguy cơ dịch bệnh và yêu cầu giảm phát thải đang đặt ra nhiều sức ép đối với sản xuất.

Theo Thứ trưởng, ngành chăn nuôi cần chuyển từ chú trọng quy mô, sản lượng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh. Định hướng phát triển chăn nuôi hiện đại, xanh, tuần hoàn và bền vững cần được triển khai đồng bộ với hoàn thiện thể chế, chính sách; thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với thị trường; tăng cường an toàn sinh học, giảm phát thải và mở rộng hợp tác quốc tế.

Đặc biệt, việc ứng dụng công nghệ sinh học, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo trong quản lý đàn vật nuôi, giám sát sức khỏe, dự báo dịch bệnh và kiểm soát chất lượng cần xuất phát từ nhu cầu thực tiễn. Liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và người chăn nuôi cũng cần được tăng cường để thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Tại các phiên diễn thuyết chính, nhiều chuyên gia tập trung phân tích những giải pháp khoa học và công nghệ có khả năng cải thiện hiệu quả sản xuất, giảm tác động môi trường và nâng cao khả năng thích ứng của ngành chăn nuôi.

GS.TS. Nguyễn Thị Lan, Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam nhấn mạnh, phát triển chăn nuôi bền vững cần có sự phối hợp giữa khoa học, công nghệ, chính sách và các chủ thể trong chuỗi giá trị. Bên cạnh nâng cao năng suất, ngành cần chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, dịch bệnh, suy thoái môi trường và tình trạng kháng kháng sinh.

Giáo sư đề cao cách tiếp cận Một sức khỏe (One Health), kết nối sức khỏe con người, động vật và môi trường. Theo đó, an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, sử dụng kháng sinh có trách nhiệm và bảo đảm an toàn thực phẩm cần được thực hiện đồng bộ. Quá trình chuyển đổi cũng phải chú trọng giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và bảo đảm người chăn nuôi quy mô nhỏ, hợp tác xã có cơ hội tiếp cận công nghệ, tri thức và thị trường.

Ở lĩnh vực di truyền và giống vật nuôi, GS. Julius van der Werf, Đại học New England (Australia), cho rằng cải thiện di truyền có thể góp phần nâng cao tốc độ sinh trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và năng suất vật nuôi. Các công nghệ như thụ tinh nhân tạo, công nghệ sinh sản và chọn giống hệ gen có khả năng đẩy nhanh tiến bộ di truyền. Tuy nhiên, chương trình chọn giống cần dựa trên dữ liệu tin cậy, phù hợp điều kiện sản xuất, đồng thời quan tâm đến sức khỏe, khả năng sinh sản, tuổi thọ và phúc lợi vật nuôi.

Trong khi đó, GS. Ermias Kebreab, Đại học California, Davis (Hoa Kỳ), tập trung vào giải pháp dinh dưỡng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn và giảm phát thải khí nhà kính. Việc cải thiện khẩu phần, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, kết hợp công nghệ phân tích thức ăn và trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp, nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Các giải pháp cần được đánh giá trên cơ sở khoa học, tính đến chi phí và điều kiện sản xuất để có thể nhân rộng trong thực tiễn.

Chương trình khoa học AAAP 2026 được tổ chức với 14 nhóm chuyên đề, bao quát nhiều lĩnh vực như di truyền và giống vật nuôi, dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi, sức khỏe vật nuôi, môi trường, quản trị số, chăn nuôi thông minh, chăn nuôi nông hộ và phúc lợi động vật. Bên cạnh các bài diễn thuyết chính, hội nghị còn có nhiều phiên chuyên đề với sự tham gia của doanh nghiệp, tạo cơ hội trao đổi về tiến bộ công nghệ và khả năng ứng dụng vào sản xuất.

Với sự tham gia của đông đảo nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp và tổ chức quốc tế, AAAP 2026 tạo diễn đàn trao đổi học thuật, mở rộng hợp tác nghiên cứu và thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Những vấn đề được thảo luận tại hội nghị góp phần làm rõ yêu cầu phát triển ngành chăn nuôi trong giai đoạn mới: nâng cao năng suất và chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn lực, kiểm soát dịch bệnh, giảm tác động môi trường và tăng cường liên kết giữa khoa học, chính sách với thực tiễn sản xuất.

DIỆU THÚY

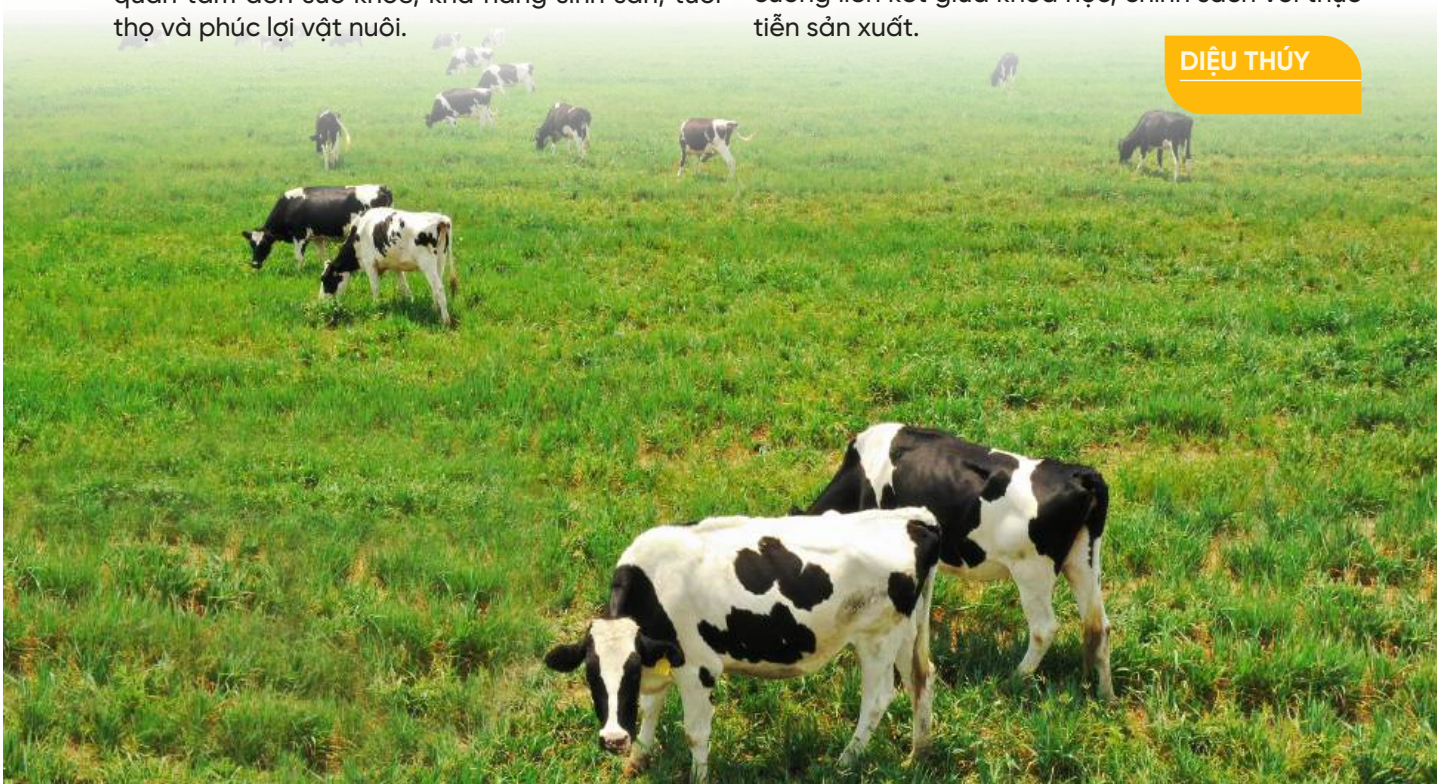

TỪ NHỮNG ĐÀN GÀ GIỐNG ĐẾN HÀNH TRÌNH PHỤC HỒI SINH KẾ Ở LÀNG NỦ

Hơn hai năm sau trận lũ quét kinh hoàng tháng 9/2024, Làng Nủ (xã Phúc Khánh, tỉnh Lào Cai) đang từng bước hồi sinh. Những ngôi nhà mới đã được dựng lên, cuộc sống dần ổn định, nhưng khôi phục sinh kế, tạo nguồn thu nhập lâu dài vẫn là bài toán đặt ra đối với nhiều hộ dân. Trong hành trình ấy, chương trình hỗ trợ 5.000 con gà giống cùng thức ăn chăn nuôi và hướng dẫn kỹ thuật của Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với các đơn vị, doanh nghiệp đang mở thêm cơ hội để người dân bắt đầu lại từ chính hoạt động sản xuất của mình.

Trao nguồn lực, mở hướng sản xuất

Ngày 10/11/2026, tại thôn Làng Nủ, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai và UBND xã Phúc Khánh tổ chức chương trình trao tặng con giống, thức ăn chăn nuôi và tập huấn kỹ thuật cho các hộ dân tham gia mô hình phục hồi sinh kế.

Theo đó, 50 hộ dân được hỗ trợ tổng cộng 5.000 con gà giống Mía số 1 DABACO, loại một ngày tuổi, cùng 33.675 kg thức ăn chăn nuôi và vắc xin phòng bệnh. Tổng kinh phí thực hiện chương trình khoảng 700 triệu đồng. Trong đó, DABACO tài trợ khoảng 600 triệu đồng cho con giống và thức ăn chăn nuôi; khoảng 100 triệu đồng từ nguồn ngân sách được bố trí cho hoạt động tập huấn, hướng dẫn và chỉ đạo kỹ thuật.

Với bình quân 100 con giống mỗi hộ, mô hình tạo điều kiện để các gia đình từng bước khôi phục hoạt động chăn nuôi, có thêm nguồn thực phẩm và hướng phát triển kinh tế hộ. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là chương trình không đơn thuần trao



Cán bộ Trung tâm Khuyến nông quốc gia hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà cho bà con Làng Nủ





Hy vọng sự hỗ trợ này sẽ tạo sinh kế bền vững cho bà con

tặng vật tư sản xuất mà được xây dựng theo hướng hỗ trợ có điều kiện, có hướng dẫn và có sự đồng hành của cán bộ chuyên môn.

Trước khi triển khai, các hộ dân đã được khảo sát, đánh giá điều kiện chuồng trại, nguồn điện, nước sạch và phương án phòng, chống dịch bệnh. Việc lựa chọn đối tượng được chính quyền địa phương và cơ quan khuyến nông phối hợp xác nhận, nhằm bảo đảm các hộ có đủ điều kiện tiếp nhận, chăm sóc đàn vật nuôi. Công tác bàn giao cũng được thực hiện công khai, có kiểm đếm, lập biên bản và hồ sơ theo quy định.

Đây là khâu quan trọng bởi hiệu quả của một chương trình hỗ trợ sinh kế không chỉ được xác định bằng số lượng con giống, vật tư được trao mà còn phụ thuộc vào khả năng tiếp nhận và tổ chức sản xuất của từng hộ. Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng nhu cầu và phù hợp với điều kiện thực tế sẽ giúp hạn chế rủi ro, tránh lãng phí nguồn lực, tạo tiền đề để mô hình phát huy hiệu quả.

Khuyến nông đồng hành, giúp người dân làm chủ kỹ thuật

Đối với chăn nuôi gia cầm, đặc biệt là gà giống một ngày tuổi, giai đoạn đầu có ý nghĩa quyết định đến tỷ lệ sống và khả năng sinh trưởng của đàn. Nếu không được chăm sóc đúng quy trình, những yếu tố tưởng chừng đơn giản như nhiệt độ úm, độ thông thoáng, nguồn nước uống, thức ăn và vệ sinh chuồng trại đều có thể ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi.

Bởi vậy, song song với hoạt động trao con giống và thức ăn, chương trình đặc biệt chú trọng tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho người dân. Ngay tại Làng Nủ, các hộ được hướng dẫn kết hợp giữa lý thuyết và thực hành về kỹ thuật úm gà, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo đảm dinh dưỡng, vệ sinh thú y và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Cán bộ kỹ thuật trực tiếp trao đổi, hướng dẫn cách bố trí khu vực nuôi, chuẩn bị chuồng úm và theo dõi tình trạng đàn gà trong những ngày đầu tiếp nhận.

Đoàn công tác cũng đến kiểm tra chuồng trại tại một số hộ, nắm bắt điều kiện chăn nuôi và giải đáp những vấn đề người dân còn băn



Đoàn công tác trao tặng bà con Làng Nủ: gà giống, thức ăn chăn nuôi và vắc – xin phòng bệnh

khoăn. Thức ăn chăn nuôi được bàn giao thành 3 đợt, phù hợp với tiến độ nuôi, giúp các hộ chủ động hơn trong quá trình chăm sóc đàn vật nuôi.

Ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia nhấn mạnh, mục tiêu của chương trình không chỉ là hỗ trợ người dân có con giống để tái sản xuất mà quan trọng hơn là giúp bà con nắm được quy trình chăn nuôi, biết cách chăm sóc và chủ động phòng, chống dịch bệnh. Các hộ tham gia cần phát huy tinh thần chủ động, sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ, từng bước hình thành phương thức sản xuất an toàn và ổn định.

Định hướng này cũng cho thấy cách tiếp cận của công tác khuyến nông trong hỗ trợ phục hồi sản xuất sau thiên tai: không dừng ở việc cung cấp đầu vào mà phải gắn hỗ trợ vật chất với chuyển giao tri thức, kỹ năng và đồng hành trong quá trình tổ chức sản xuất. Khi người dân nắm được kỹ thuật, biết nhận diện nguy cơ dịch bệnh và xử lý những tình huống phát sinh, hiệu quả hỗ trợ mới có thể được duy trì sau khi chương trình kết thúc.

Theo kế hoạch, sau khi bàn giao con giống và vật tư, cán bộ khuyến nông tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ đến tháng 2/2027. Dự kiến giữa tháng 2/2027, các đơn vị sẽ tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả mô hình, từ tình hình sinh trưởng, tỷ lệ nuôi sống đàn gà đến khả năng duy trì sản xuất và hiệu quả kinh tế của các hộ tham gia.

Khôi phục sinh kế từ sự chung tay và nội lực cộng đồng

Sau khi được bố trí đến khu tái định cư, bà con Làng Nủ từng bước ổn định nơi ở, nhưng để cuộc sống thực sự hồi phục, việc làm và nguồn thu nhập vẫn là những nhu cầu thiết yếu.

Trong hoàn cảnh đó, hỗ trợ phát triển chăn nuôi hộ gia đình là một hướng đi có ý nghĩa thực tế. Đây là hoạt động sản xuất phù hợp với điều kiện của nhiều hộ dân, không đòi hỏi quy mô đầu tư quá lớn, có thể tận dụng lao động gia đình và từng bước tạo nguồn thu. Nếu được tổ chức tốt, kết hợp với kỹ thuật chăm sóc, phòng bệnh và đầu ra phù hợp, chăn nuôi có thể trở thành một trong những nguồn sinh kế giúp các gia đình nâng cao khả năng tự chủ kinh tế.

Bà Nguyễn Thị Yến, một trong những hộ tham gia mô hình, phấn khởi cho biết, sau trận lũ, cuộc sống gia đình và bà con trong thôn gặp rất nhiều khó khăn. Được hỗ trợ gà giống, thức ăn và hướng dẫn kỹ thuật là nguồn động viên thiết thực, giúp gia đình có thêm điều kiện khôi phục sản xuất, mong muốn đàn gà phát triển tốt để có thêm thu nhập, ổn định cuộc sống.

Ông Hoàng Quốc Hùng, Bí thư Đảng ủy xã Phúc Khánh cũng đánh giá cao sự quan tâm, hỗ trợ của Trung tâm Khuyến nông quốc gia, doanh nghiệp và các đơn vị đồng hành. Theo ông, nguồn hỗ trợ không chỉ có giá trị về vật chất mà còn tiếp thêm niềm tin, động lực để người dân vượt qua khó khăn. Địa phương sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan chuyên môn, hướng dẫn các hộ sử dụng hiệu quả nguồn hỗ trợ, chăm sóc đàn gà đúng quy trình và chủ động phòng, chống dịch bệnh.

Về phía doanh nghiệp, ông Nguyễn Như Phán, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO cho biết, việc đồng hành cùng chương trình thể hiện mong muốn chung tay với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương hỗ trợ người dân khôi phục sản xuất sau thiên tai. Doanh nghiệp kỳ vọng nguồn con giống, thức ăn được trao tặng kết



Từ đàn gà giống hôm nay đến mục tiêu sinh kế ngày mai



Tài liệu kỹ thuật chăn nuôi gà được phát tận tay bà con

hợp với hướng dẫn kỹ thuật sẽ giúp các hộ từng bước phát triển chăn nuôi, tạo thêm thu nhập và ổn định cuộc sống.

Có thể thấy, giá trị của chương trình không chỉ nằm ở 5.000 con gà giống hay hàng chục tấn thức ăn chăn nuôi được trao tặng, mà còn ở cách các nguồn lực được kết nối và tổ chức thực hiện. Nhà nước hỗ trợ về chuyên môn, kinh phí; doanh nghiệp đóng góp nguồn lực sản xuất; chính quyền địa phương tham gia lựa chọn đối tượng, phối hợp triển khai; hệ thống khuyến nông trực tiếp chuyển giao kỹ thuật và theo dõi mô hình. Trong đó, người dân là chủ thể tiếp nhận, tổ chức sản xuất và quyết định hiệu quả cuối cùng của nguồn hỗ trợ.

Từ những đàn gà giống được trao hôm nay đến mục tiêu xây dựng sinh kế ổn định ngày mai vẫn còn cả một quá trình cần sự kiên trì và đồng hành. Nhưng với cách làm gắn hỗ trợ đầu vào với hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi và đánh giá kết quả, chương trình tại Làng Nủ đang tạo ra một hướng phục hồi sản xuất thiết thực, lấy năng lực tự chủ của người dân làm nền tảng.

Sau thiên tai, dựng lại nhà cửa là bước đầu để người dân có nơi an cư; tạo dựng sinh kế mới là điều kiện để cuộc sống thực sự hồi sinh. Những đàn gà giống ở Làng Nủ vì thế không chỉ mang ý nghĩa của một nguồn hỗ trợ sản xuất, mà còn gửi gắm kỳ vọng về sự chủ động, niềm tin và một tương lai ổn định hơn cho những gia đình từng chịu nhiều mất mát.

BẢO TOÀN
Trung tâm Khuyến nông quốc gia



KHUYẾN NÔNG ĐỒNG HÀNH CÙNG NÔNG DÂN CHỦ ĐỘNG THÍCH ỨNG HẠN MẶN

Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Hoàng Văn Hồng tham dự tọa đàm



Đồng bằng sông Cửu Long đang đứng trước nguy cơ một mùa khô có tình hình hạn hán, xâm nhập mặn gay gắt, với mức độ được dự báo có thể tương đương mùa khô lịch sử 2015 - 2016. Trước những thách thức này, bên cạnh việc đầu tư, vận hành các công trình thủy lợi và chủ động điều chỉnh lịch thời vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, việc chuyển giao kỹ thuật, tổ chức sản xuất thích ứng và đồng hành cùng nông dân tại cơ sở có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Đây cũng là những nội dung được trao đổi tại Tọa đàm trực tuyến "Hạn mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL): Chủ động thích ứng, đảm bảo sinh kế cho nông dân" do Báo Nông thôn Ngày nay/Dân Việt tổ chức ngày 20/10/2026. Tọa đàm có sự tham gia của đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Hoàng Văn Hồng là khách mời tham dự tọa đàm.

Chủ động thích ứng từ dự báo và tổ chức sản xuất

Theo nhận định tại tọa đàm, mùa khô 2026–2027, xâm nhập mặn có thể bắt đầu từ cuối tháng 12/2026, cao điểm trong các tháng 1–4/2027. Dự báo khoảng 85.800 ha lúa Đông Xuân, 120.000 ha diện tích lúa – tôm và 45.000 ha cây ăn trái tại các vùng ven biển có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn. Đây là những diện tích có nguy cơ, cần tiếp tục được theo dõi, cập nhật theo diễn biến thực tế.

Trước tình hình đó, các cơ quan chuyên môn nhấn mạnh yêu cầu chủ động từ sớm, từ việc nâng cao chất lượng dự báo nguồn nước, độ mặn đến điều chỉnh lịch thời vụ, lựa chọn giống và bố trí cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện từng vùng

sinh thái. Hệ thống thủy lợi có vai trò điều tiết, kiểm soát nguồn nước, song công trình không thể bảo đảm đủ nước cho mọi khu vực trong mọi tình huống. Vì vậy, tổ chức sản xuất phù hợp với khả năng nguồn nước và áp dụng các giải pháp phi công trình là yêu cầu không thể thiếu.

Trong quá trình đó, khuyến nông giữ vai trò kết nối thông tin, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và hướng dẫn người dân lựa chọn phương án sản xuất phù hợp. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức giúp nông dân nhận diện rõ hơn tác động của hạn hán, xâm nhập mặn đối với cây trồng, vật nuôi, năng suất và thu nhập; đồng thời nâng cao khả năng theo dõi, nhận biết diễn biến nguồn nước, độ mặn để chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất.

Thông qua các lớp tập huấn, diễn đàn, tọa đàm và hoạt động truyền thông, những khuyến cáo kỹ thuật được chuyển tải đến người dân theo hướng dễ hiểu, sát thực tế. Nông dân cũng được hướng dẫn tham quan, học tập các mô hình sản xuất thích ứng để có thêm cơ sở lựa chọn phương thức canh tác phù hợp với điều kiện đất đai, nguồn nước và khả năng đầu tư của gia đình.

Nhân rộng mô hình sản xuất thích ứng, nâng cao hiệu quả sinh kế

Một trong những hướng đi được khuyến nông chú trọng là xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất thích ứng với điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn. Thực tế cho thấy, tại những vùng có điều kiện phù hợp, việc chuyển đổi từ sản xuất độc canh sang các mô hình kết hợp trồng trọt, nuôi trồng thủy sản có thể giúp khai thác tốt hơn lợi thế sinh thái, đa dạng hóa nguồn thu và giảm rủi ro cho nông dân.

Các mô hình lúa – tôm, lúa – cá được triển khai tại một số địa phương thuộc vùng ĐBSCL đã cho thấy hiệu quả tích cực. Trong giai đoạn 2022–2024, mô hình lúa – tôm tại các tỉnh/thành phố Cần Thơ, An Giang, Cà Mau đạt kết quả khả quan. Riêng tại xã Hòa Tú, tỉnh Sóc Trăng, năng suất tôm đạt khoảng 600 kg/ha, lúa đạt 5,4 tấn/ha; lợi nhuận từ tôm khoảng 79 triệu đồng/ha, cao gấp 3 lần so với sản xuất lúa tương ứng.

Với mô hình lúa – cá triển khai trong giai đoạn 2024–2025 tại một số địa phương thuộc Cần Thơ và Đồng Tháp, năng suất cá đạt khoảng 2,4 tấn/ha/vụ, lúa đạt 6–7 tấn/ha/vụ; lợi nhuận từ



Tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật lúa và cây ăn trái trong điều kiện hạn, mặn được giới thiệu tại chương trình

cá khoảng 31,4 triệu đồng/ha, cao hơn trên 20% so với sản xuất lúa tương ứng. Diện tích mô hình được mở rộng trên 25 ha. Những kết quả này cho thấy tiềm năng của các phương thức sản xuất kết hợp, tuy nhiên việc nhân rộng cần căn cứ chặt chẽ vào điều kiện đất đai, nguồn nước, kỹ thuật và thị trường của từng địa bàn.

Đối với cây ăn trái – nhóm cây trồng có giá trị kinh tế cao nhưng nhạy cảm với tình trạng thiếu nước và độ mặn – các giải pháp khuyến nông tập trung vào tưới tiết kiệm, giảm chi phí đầu vào và chủ động tích trữ nước ngọt trong vườn để sử dụng vào mùa khô. Trong sản xuất lúa, việc áp dụng kỹ thuật tưới tiết kiệm, tưới ngập – khô xen kẽ tại những nơi có điều kiện phù hợp cũng góp phần sử dụng hiệu quả nguồn nước, giảm chi phí và phát thải.

Cùng với chuyển giao kỹ thuật, việc điều chỉnh lịch thời vụ theo từng vùng, tiểu vùng sinh thái được đặc biệt quan tâm. Tùy điều kiện thực tế, thời gian gieo trồng có thể điều chỉnh sớm hoặc muộn từ 7–10 ngày, thậm chí dài hơn, nhằm tránh thời điểm hạn hán, xâm nhập mặn lên cao. Việc chuyển đổi cây trồng, vật nuôi cũng cần được tính toán trên cơ sở khả năng bảo đảm nguồn nước, hiệu quả kinh tế và nhu cầu thị trường, tránh chuyển đổi tự phát hoặc chạy theo phong trào.

Tuyên truyền, vận động và "cầm tay chỉ việc" tại cơ sở

Để các giải pháp kỹ thuật thực sự đi vào sản xuất, vai trò của hệ thống khuyến nông cơ sở có ý nghĩa quyết định. Cùng với chính quyền địa

phương, cán bộ khuyến nông cần trực tiếp nắm bắt điều kiện đất đai, nguồn nước và mức độ ảnh hưởng của hạn mặn tại từng khu vực, từ đó hướng dẫn người dân lựa chọn phương án sản xuất phù hợp.

Phương châm "cầm tay chỉ việc", tổ chức hướng dẫn và thực hành ngay tại đồng ruộng, vườn cây giúp nông dân dễ tiếp cận phương pháp canh tác mới. Khi được trực tiếp tham gia mô hình, quan sát kết quả và đánh giá hiệu quả kinh tế, người dân sẽ có thêm niềm tin để thay đổi tập quán sản xuất. Đây cũng là cách để khuyến nông không chỉ chuyển giao quy trình kỹ thuật mà còn hỗ trợ nông dân từng bước thay đổi tư duy, chủ động thích ứng với điều kiện sản xuất ngày càng biến động.

Bên cạnh kỹ thuật, đầu ra sản phẩm và chi phí sản xuất là những yếu tố cần được quan tâm khi vận động nông dân chuyển đổi. Hệ thống khuyến nông tăng cường phối hợp với doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu thu mua, tiêu chuẩn sản phẩm; hướng dẫn người dân tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường, gắn với liên kết tiêu thụ ổn định. Các mô hình liên kết còn tạo điều kiện để nông dân mua vật tư với số lượng lớn, giảm chi phí đầu vào và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Công tác truyền thông cũng được chú trọng nhằm lan tỏa những mô hình hiệu quả, cách làm hay và kinh nghiệm thích ứng đến cộng đồng. Tại tọa đàm, đại diện Trung tâm Khuyến nông quốc gia đã giới thiệu tờ rơi hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây ăn trái trong điều kiện hạn mặn ở ĐBSCL. Với hình thức nhỏ gọn, nội dung cô đọng, tập trung vào thời vụ, lựa chọn giống và các biện pháp canh tác cần thiết, tài liệu giúp nông dân thuận tiện mang theo, tra cứu và áp dụng tại vườn.

Sử dụng hiệu quả nguồn nước, hướng tới sản xuất bền vững

Một thông điệp đáng chú ý được nhấn mạnh tại Tọa đàm là "nước mặn hay nước ngọt đều là tài nguyên", vấn đề quan trọng là phải khai thác và sử dụng phù hợp với từng mục đích, điều kiện cụ thể. Trong bối cảnh nguồn nước ngày càng biến động, việc chủ động tích trữ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả cần trở thành ý thức và hành động thường xuyên của mỗi địa phương, doanh nghiệp và hộ sản xuất.

Đối với hệ thống khuyến nông, nhiệm vụ không chỉ là hỗ trợ người dân ứng phó khi hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra, mà quan trọng hơn là đồng hành để nông dân chuyển từ thế bị động sang chủ động thích ứng; từ lựa chọn kỹ thuật riêng lẻ sang tổ chức sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nguồn nước và nhu cầu thị trường.

Thông qua tuyên truyền, đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, xây dựng mô hình và kết nối sản xuất – tiêu thụ, khuyến nông góp phần đưa các giải pháp thích ứng đến gần hơn với từng hộ nông dân. Đây chính là nền tảng để ĐBSCL không chỉ giảm thiểu thiệt hại trong những mùa khô hạn, mà còn từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định sinh kế và phát triển nông nghiệp bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu.

VIỆT OANH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia



Thu hoạch tôm càng xanh trên cánh đồng lúa – tôm



HÀ NỘI: ĐỔI MỚI TƯ DUY SẢN XUẤT, TĂNG CƯỜNG CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN AN TOÀN

Triển khai Dự án "Tăng cường chuỗi giá trị cây trồng an toàn tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam" do Chính phủ Nhật Bản viện trợ thông qua Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Hà Nội đã từng bước đưa phương pháp Viet-SHEP vào hoạt động khuyến nông. Điểm cốt lõi của phương pháp này là chuyển từ tư duy "sản xuất rồi tìm đầu ra" sang "sản xuất để bán", lấy nhu cầu thị trường làm căn cứ xây dựng kế hoạch sản xuất.

Dự án được triển khai tại Hà Nội từ năm 2023 đến tháng 4/2026, với sự chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội, Trung tâm Khuyến nông Hà Nội trực tiếp tổ chức thực hiện. Qua khảo sát thực trạng sản xuất, tiếp thị và năng lực quản lý, dự án lựa chọn 7 HTX tham gia, gồm: Rau quả sạch Chúc Sơn, Nông nghiệp Hương Ngải, Nông nghiệp Tiền Lệ, Dịch vụ tổng hợp Hòa Bình, Nông nghiệp Đặng Xá, Dịch vụ tổng hợp Đông Cao và Sản xuất và tiêu thụ nông sản sạch Viên Sơn.

Để triển khai phương pháp mới, dự án chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông. Có 4 cán bộ tham gia đào tạo giảng viên nguồn (TOT), tập trung vào marketing, khảo sát thị trường, sản xuất và quản lý HTX theo Viet-SHEP; 4 cán bộ khuyến nông và Ban Quản lý dự án được học tập, trao đổi kinh nghiệm tại Nhật Bản. Đối với các HTX, 6 lớp tập huấn về marketing, khảo sát thị trường và thực hành GAP cơ bản được tổ chức, giúp thành viên từng bước gắn yêu cầu chất lượng sản phẩm với nhu cầu của người mua.

Đáng chú ý, cả 7 HTX mục tiêu đều được tổ chức khảo sát tại siêu thị, chuỗi thực phẩm sạch, doanh nghiệp kinh doanh nông sản và chợ đầu mối. Qua tiếp xúc trực tiếp với các đơn vị phân phối, HTX tìm hiểu rõ hơn về chủng loại, quy cách, chất lượng, thời điểm cung ứng và phương thức giao dịch. Trên cơ sở đó, các đơn vị từng bước xây dựng lịch thời vụ, lựa chọn cây trồng và tổ chức bán hàng tập trung phù hợp với nhu cầu tiêu thụ, hạn chế tình trạng sản xuất tự phát, thiếu ổn định đầu ra.

Song song với định hướng thị trường, dự án hỗ trợ cải thiện kỹ thuật canh tác và điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm. Các mô hình tập trung vào sử dụng giống mới, ủ phân hữu cơ, khử trùng đất và áp dụng GAP cơ bản. Tại HTX Nông nghiệp Tiền Lệ, mô hình ủ phân được thực hiện với quy mô 10 m^2, khử trùng đất trên diện tích 1.760 m^2 và trình diễn giống súp lơ xanh trên 2.520 m^2. HTX Hương Ngải triển khai ủ phân với quy mô 50 m^2; HTX Rau quả sạch Chúc Sơn trình diễn các giống súp lơ, cải thảo và bắp cải.

Các HTX cũng được hỗ trợ một số trang thiết bị phục vụ thu hoạch, sơ chế và bảo quản. Hoạt động lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng và vi sinh vật được thực hiện đối với rau của các HTX tham gia dự án. Kết quả phân tích mẫu trong năm 2023 và 2024 không phát hiện các chỉ tiêu tồn dư được kiểm tra.

Hiệu quả của phương pháp Viet-SHEP thể hiện rõ qua sự thay đổi trong tổ chức sản xuất và tiêu thụ tại một số HTX.



Sơ chế và đóng gói rau tại HTX Chúc Sơn trước khi đưa ra thị trường

HTX Rau quả sạch Chúc Sơn là mô hình tiêu biểu về phát triển chuỗi giá trị rau an toàn. Hiện HTX có 73 thành viên, vùng sản xuất được chứng nhận VietGAP trên 31,7 ha. Bên cạnh đầu tư nhà lưới, nhà màng, hệ thống tưới tự động và máy gieo hạt, HTX ứng dụng phần mềm nhật ký sản xuất điện tử, quản lý thông tin canh tác và truy xuất nguồn gốc bằng mã QR. Đầu ra của HTX tương đối đa dạng: khoảng 30% sản phẩm tiêu thụ qua hệ thống siêu thị, 30% tại trường học và bệnh viện, 20% cung cấp cho các công ty suất ăn và 20% đưa vào nhà máy chế biến. Việc duy trì các kênh tiêu thụ và hợp đồng với đối tác giúp HTX chủ động hơn trong kế hoạch sản xuất, ổn định đầu ra.

Tại HTX Sản xuất và tiêu thụ nông sản sạch Viên Sơn, quy mô sản xuất đã mở rộng từ khoảng 2 ha lên hơn 20 ha, với 10 thành viên và liên kết 50–70 hộ nông dân. HTX từng bước tổ chức sản xuất theo kế hoạch, xác định trước khu vực, thời điểm, chủng loại rau, quả và đối tượng tiêu thụ. Việc lựa chọn cây trồng gắn với nhu cầu đối tác và khả năng tiêu thụ giúp giảm tình trạng thu hoạch tập trung nhưng thiếu đầu ra.

Trong khi đó, HTX Dịch vụ tổng hợp Hòa Bình tập trung xây dựng thương hiệu "Rau an toàn Yên Nghĩa". HTX chú trọng áp dụng VietGAP, sử dụng tem truy xuất nguồn gốc, bao bì và nhãn mác rõ ràng; đồng thời mở rộng tiêu thụ qua siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch và bếp ăn tập thể. Mô hình cho thấy việc xây dựng niềm tin với người tiêu dùng có vai trò quan trọng trong nâng cao giá trị nông sản.

Bên cạnh hỗ trợ trực tiếp các HTX, dự án còn đẩy mạnh truyền thông và xúc tiến thương mại thông qua in ấn 14.000 tờ gấp, xây dựng 2 video hướng dẫn về marketing, khảo sát thị trường và GAP cơ bản; hỗ trợ các HTX tham gia hội chợ, festival để quảng bá sản phẩm, tìm kiếm đối tác.

Theo báo cáo của Ban Quản lý dự án Hà Nội, diện tích canh tác áp dụng GAP cơ bản/VietGAP tại các HTX mục tiêu tăng từ 112,3 ha lên 184,2 ha. Lợi nhuận gộp trên một đơn vị diện tích cây trồng an toàn cũng được cải thiện nhờ cải tiến kỹ thuật, giảm chi phí, nâng năng suất và tăng khả năng kết nối tiêu thụ.

Sau khi dự án kết thúc, Hà Nội định hướng tiếp tục sử dụng tài liệu Viet-SHEP để tập huấn cho cán bộ khuyến nông, nông dân và HTX, dự kiến tổ chức 3–5 lớp mỗi năm từ nguồn kinh phí khuyến nông của Thành phố. Các mô hình sản xuất rau, quả an toàn, liên kết chuỗi giá trị và hoạt động xúc tiến thương mại sẽ tiếp tục được quan tâm, lồng ghép vào chương trình, kế hoạch phát triển nông nghiệp địa phương.

Thực tiễn triển khai tại Hà Nội cho thấy giá trị của dự án không chỉ nằm ở diện tích sản xuất an toàn được mở rộng hay cơ sở vật chất HTX được cải thiện, mà quan trọng hơn là sự thay đổi trong tư duy tổ chức sản xuất. Khi thị trường trở thành căn cứ xây dựng kế hoạch, kỹ thuật được gắn với yêu cầu chất lượng và HTX chủ động hơn trong kết nối tiêu thụ, nông sản có thêm cơ hội nâng cao giá trị, phát triển ổn định.

BBT



Vùng sản xuất rau an toàn của HTX nông nghiệp Đặng Xá



KHUYẾN NÔNG THÚC ĐẨY CHĂN NUÔI AN TOÀN GẮN VỚI CHUỖI GIÁ TRỊ

Chăn nuôi đang giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh, với quy mô sản xuất hàng hóa ngày càng mở rộng. Trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, tỉnh đang từng bước chuyển từ phát triển số lượng sang nâng cao giá trị, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Trong quá trình đó, khuyến nông góp phần đưa tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn, nâng cao năng lực người chăn nuôi và thúc đẩy phát triển các chuỗi sản phẩm bền vững.

Năm 2025, tổng đàn gia súc, gia cầm của Quảng Ninh đạt khoảng 6 triệu con, sản lượng thịt hơi đạt 104.760 tấn. Năm 2026, tỉnh đặt mục tiêu sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 107.886 tấn, tăng 2,7% so với kế hoạch đầu năm. Riêng quý I/2026, tổng đàn gia súc, gia cầm đạt trên 5,6 triệu con, sản lượng thịt hơi đạt 24.877 tấn.

Với quy mô sản xuất tương đối lớn, Quảng Ninh đang chú trọng phát triển trang trại, gia trại tập trung, thu hút các dự án chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, đồng thời tăng cường an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh chăn nuôi hàng hóa, tỉnh có những sản phẩm đặc trưng như gà Tiên Yên, lợn Móng Cái. Đây là lợi thế để phát triển sản phẩm có giá trị, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường. Chương trình OCOP cũng tạo động lực để các chủ thể quan tâm hơn đến tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu và truy xuất nguồn gốc.

Tuy nhiên, mở rộng quy mô sản xuất cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về quản lý chất lượng, phòng chống dịch bệnh, xử lý chất thải và tổ chức tiêu thụ. Mục tiêu không chỉ là tăng đàn, tăng sản lượng mà còn phải nâng cao hiệu quả, giảm chi phí, bảo đảm an toàn thực phẩm và ổn định đầu ra.

Trước yêu cầu đổi mới phương thức sản xuất, khuyến nông có vai trò quan trọng trong hỗ trợ người dân tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, thay đổi tập quán và nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Thông qua hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng mô hình, khuyến nông góp phần đưa các quy trình sản xuất an toàn đến với hộ chăn nuôi, gia trại và trang trại. Trong đó, chăn nuôi an toàn sinh học cần được coi là yêu cầu xuyên suốt. Các biện pháp như vệ sinh, khử trùng chuồng trại, kiểm soát người và phương tiện ra vào, sử dụng con giống có nguồn gốc rõ ràng, tiêm phòng và theo dõi sức khỏe đàn vật nuôi giúp hạn chế nguy cơ phát sinh, lây lan dịch bệnh.

Cùng với đó, cán bộ khuyến nông hướng dẫn người dân áp dụng quy trình chăm sóc phù hợp, sử dụng thức ăn hợp lý, quản lý môi trường chuồng nuôi và xử lý chất thải. Qua đó, góp phần giảm rủi ro, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

Khuyến nông cũng phát huy vai trò cầu nối, tăng cường kết nối hộ chăn nuôi với hợp tác xã, doanh nghiệp và cơ sở chế biến, giúp các tiến bộ kỹ thuật gắn với nhu cầu thực tế, từng bước hình thành các chuỗi sản xuất ổn định.

Trong bối cảnh người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến chất lượng và nguồn gốc thực phẩm, truy

xuất nguồn gốc trở thành yêu cầu quan trọng đối với sản phẩm chăn nuôi. Việc truy xuất cần được thực hiện ngay từ quá trình sản xuất, với đầy đủ thông tin về con giống, thức ăn, chăm sóc, sử dụng thuốc thú y, tiêm phòng, kiểm soát dịch bệnh và thời điểm xuất bán, thay vì chỉ dừng ở tem điện tử hay mã QR trên sản phẩm.

Quảng Ninh đang định hướng đẩy mạnh kê khai chăn nuôi, xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng mã QR, tem điện tử và phát triển chuỗi liên kết từ sản xuất đến giết mổ, chế biến, tiêu thụ. Đây là điều kiện quan trọng để nâng cao tính minh bạch, kiểm soát chất lượng và củng cố niềm tin của người tiêu dùng. Để thực hiện hiệu quả, người chăn nuôi cần được hướng dẫn ghi chép, lưu trữ thông tin và tuân thủ quy trình sản xuất thống nhất. Thông qua tập huấn, tư vấn kỹ thuật và hướng dẫn thực hành, khuyến nông hỗ trợ người dân từng bước đáp ứng yêu cầu truy xuất, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận các kênh phân phối hiện đại.

Bên cạnh đó, liên kết sản xuất và tiêu thụ cần được củng cố theo hướng thực chất. Doanh nghiệp giữ vai trò dẫn dắt về thị trường, công nghệ; hợp tác xã kết nối, điều phối các hộ thành viên; người chăn nuôi thực hiện đúng quy trình, bảo đảm chất lượng sản phẩm. Các cơ quan chuyên môn và hệ thống khuyến nông hỗ trợ kỹ thuật, thông tin thị trường và tổ chức sản xuất phù hợp.

Với lợi thế về thị trường, hệ thống giao thông và các sản phẩm chăn nuôi đặc trưng, Quảng Ninh có điều kiện phát triển ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại, an toàn và bền vững. Động lực tăng trưởng trong giai đoạn tới cần tập trung vào nâng cao chất lượng giống, giảm chi phí, kiểm soát dịch bệnh, xử lý môi trường, phát triển chế biến và mở rộng thị trường thay vì chỉ tăng số lượng vật nuôi.

Trong quá trình đó, khuyến nông cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng sát nhu cầu người chăn nuôi và yêu cầu của từng chuỗi sản phẩm. Chuyển giao kỹ thuật cần đi đôi với hướng dẫn tổ chức sản xuất, nâng cao năng lực hợp tác xã, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số và hỗ trợ kết nối thị trường. Các mô hình hiệu quả cần được đánh giá, hoàn thiện và nhân rộng phù hợp với điều kiện từng địa phương.

Đặc biệt, với các sản phẩm có lợi thế như gà Tiên Yên, lợn Móng Cái, cần gắn bảo tồn, phát triển giống với nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu và mở rộng liên kết tiêu thụ. Khi quy trình sản xuất được chuẩn hóa, dịch bệnh được kiểm soát, nguồn gốc minh bạch và đầu ra ổn định, giá trị sản phẩm sẽ được nâng lên, tạo động lực để người dân duy trì và phát triển sản xuất.

Thực tiễn Quảng Ninh cho thấy, phát triển chăn nuôi bền vững không chỉ là câu chuyện về quy mô đàn vật nuôi mà còn là quá trình tổ chức lại sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ và kết nối các mắt xích trong chuỗi giá trị. Với vai trò đồng hành cùng người sản xuất, khuyến nông sẽ tiếp tục góp phần nâng cao năng lực chăn nuôi, thúc đẩy hình thành những ngành hàng có chất lượng, thương hiệu và sức cạnh tranh trên thị trường.





Gà Tiên Yên và lợn Móng Cái là sản phẩm đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh



NGUYỄN THUÝ TOAN
Trung tâm Khuyến nông và QLBVPT rừng Quảng Ninh



BẮC NINH: CHUẨN HÓA SẢN XUẤT, NÂNG CAO GIÁ TRỊ CÂY ĂN QUẢ

Với lợi thế về diện tích, sản lượng và sự đa dạng của các loại cây ăn quả, Bắc Ninh đang từng bước phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu thị trường. Áp dụng quy trình sản xuất an toàn, quản lý mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và tăng cường liên kết tiêu thụ là những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao giá trị nông sản. Trong quá trình đó, khuyến nông góp phần hỗ trợ người dân chuẩn hóa quy trình sản xuất và kết nối các chủ thể trong chuỗi giá trị.

Hình thành vùng cây ăn quả hàng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm

Theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, năm 2026, diện tích cam, bưởi, táo và ổi trên địa bàn Bắc Ninh ước đạt khoảng 11.650 ha, sản lượng 118.525 tấn, tăng 18,7% so với năm 2025. Đây là nhóm cây trồng góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và tạo nguồn nông sản hàng hóa phục vụ thị trường. Trong đó, bưởi có diện tích khoảng 5.200 ha, sản lượng 47.000 tấn; cam 2.500 ha, sản lượng 27.600 tấn; táo 2.900 ha, sản lượng 35.090 tấn; ổi 1.050 ha, sản lượng 8.835 tấn. Các loại quả có thời gian thu hoạch nối tiếp nhau. Đây là lợi thế để tổ chức thu mua, phân phối theo từng thời điểm.

Cùng với mở rộng sản xuất, địa phương chú trọng nâng cao chất lượng và an toàn thực phẩm. Diện tích bưởi sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đạt khoảng 3.660 ha; cam 1.700 ha; táo 1.500 ha và ổi 800 ha. Việc áp dụng quy trình an toàn góp phần nâng cao ý thức sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định, tuân thủ thời gian cách ly và đáp ứng yêu cầu của các hệ thống phân phối hiện đại.

Quản lý mã số vùng trồng, minh bạch nguồn gốc nông sản

Cùng với chuẩn hóa quy trình sản xuất, quản lý mã số vùng trồng (MSVT), mã số cơ sở đóng gói (MSCSĐG) là yêu cầu quan trọng để nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường. Thực hiện Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp với Trung tâm Khuyến nông quốc gia tổ chức tập huấn trực tuyến cho cán bộ chuyên môn và cán bộ thực hiện thủ tục hành chính tại các xã, phường.

Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh cũng tổ chức tọa đàm hướng dẫn thủ tục cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói và an toàn thực phẩm cho doanh nghiệp, hợp tác xã tại các vùng trọng điểm cây ăn quả. Qua đó, hỗ trợ các tổ chức sản xuất nắm rõ quy trình, yêu cầu về chất lượng, ghi chép nhật ký và truy xuất nguồn gốc.

Tính đến ngày 16/10/2026, toàn thành phố duy trì 91 mã số vùng trồng với tổng diện tích 1.764,9 ha, trong đó có 80 mã số phục vụ xuất khẩu, diện tích 1.676,2 ha. Đối với cây ăn quả chủ lực, địa phương đã rà soát, thực hiện thủ tục cấp mới 6 mã số

vùng trồng bưởi, diện tích 29,6 ha, sản lượng ước 940 tấn, phục vụ xuất khẩu sang Trung Quốc và đang chờ phía nước nhập khẩu phê duyệt; đồng thời rà soát một mã số vùng trồng ổi diện tích 2,9 ha, sản lượng 18 tấn, phục vụ xuất khẩu sang Cộng hòa Séc.

Để mã số vùng trồng phát huy hiệu quả, việc cấp mã cần gắn với quản lý, giám sát thường xuyên và duy trì chất lượng thực tế. Người sản xuất phải tuân thủ quy trình kỹ thuật, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng quy định, kiểm soát sinh vật gây hại và bảo đảm thời gian cách ly; cơ sở đóng gói đáp ứng yêu cầu về vệ sinh, phân loại, bảo quản và truy xuất nguồn gốc.

Tăng cường liên kết, mở rộng thị trường tiêu thụ

Hiện nay, cam, bưởi, táo và ổi của Bắc Ninh được tiêu thụ qua thương lái, đại lý, chợ đầu mối, cửa hàng nông sản, siêu thị, doanh nghiệp và các nền tảng thương mại điện tử. Một số sản phẩm đã tiếp cận thị trường nước ngoài như: bưởi Đào xuất khẩu sang Nga; Công ty cổ phần RYB đã thực hiện xuất khẩu ổi sang Anh, mở ra cơ hội mở rộng thị trường cho nông sản địa phương.

Tuy nhiên, xuất khẩu còn ở quy mô nhỏ, chưa ổn định; liên kết giữa người trồng, hợp tác xã, cơ sở thu mua, đóng gói và doanh nghiệp chưa chặt chẽ. Năng lực bảo quản sau thu hoạch, khả năng cung ứng đồng đều về sản lượng và chất lượng vẫn là những khâu cần cải thiện.

Thời gian tới, địa phương định hướng tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường, chủ động kết nối doanh nghiệp trước vụ thu hoạch để thống nhất tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm, sản lượng và phương án thu mua. Đồng thời, thúc đẩy liên kết từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, đóng gói đến tiêu thụ; đẩy mạnh quảng bá, xây dựng thương hiệu và khai thác các kênh phân phối hiện đại.

Đối với sản phẩm xuất khẩu, các cơ sở sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật yêu cầu của thị trường nhập khẩu về kiểm dịch thực vật, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, đóng gói và ghi nhãn.

Khuyến nông đồng hành cùng phát triển chuỗi giá trị

Phát triển vùng cây ăn quả hàng hóa đòi hỏi không chỉ tiến bộ kỹ thuật mà còn phải tổ chức lại sản xuất và nâng cao năng lực các chủ thể tham gia chuỗi. Khuyến nông có vai trò hướng dẫn người dân áp dụng quy trình sản xuất an toàn, sử dụng vật tư nông nghiệp đúng quy định, ghi chép nhật ký, thực hiện truy xuất nguồn gốc và kết nối với hợp tác xã, doanh nghiệp.

Thời gian tới, hoạt động khuyến nông cần gắn tập huấn, chuyển giao kỹ thuật với đặc điểm từng vùng trồng và yêu cầu thị trường; hỗ trợ người dân quản lý chất lượng, chủ động kế hoạch sản xuất và nguồn cung. Quan trọng hơn, cần chuyển từ tư duy sản xuất theo khả năng sẵn có sang tổ chức sản xuất theo nhu cầu thị trường, coi chất lượng, khả năng truy xuất và tính ổn định của nguồn cung là yếu tố quyết định hiệu quả tiêu thụ.

Với định hướng chuẩn hóa sản xuất, quản lý mã số vùng trồng, tăng cường liên kết và mở rộng thị trường, Bắc Ninh đang từng bước tạo nền tảng nâng cao giá trị cây ăn quả chủ lực, cải thiện thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững.

Địa phương đang từng bước tạo nền tảng nâng cao giá trị cây ăn quả chủ lực





HƯƠNG GIANG
Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh

PHÁT TRIỂN NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ GẮN VỚI TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ





Biến đổi khí hậu và những yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế đang đặt ngành cà phê Việt Nam trước yêu cầu chuyển đổi mạnh mẽ về phương thức sản xuất. Trong đó, giảm chi phí đầu vào, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao giá trị sản phẩm là hướng đi quan trọng, vừa mang lại lợi ích thiết thực cho người trồng cà phê, vừa tạo nền tảng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Chuyển đổi tư duy sản xuất, hướng tới tăng trưởng xanh

Cà phê là ngành hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế nông nghiệp và sinh kế của người dân, đặc biệt tại Tây Nguyên. Năm 2025, diện tích cà phê cả nước đạt khoảng 758 nghìn ha, sản lượng gần 2,116 triệu tấn. Xuất khẩu đạt hơn 8,9 tỷ USD. Tuy nhiên, sản xuất vẫn chủ yếu dựa vào các hộ quy mô nhỏ, liên kết chuỗi giá trị chưa chặt chẽ, tỷ lệ chế biến sâu còn hạn chế. Biến đổi khí hậu, khô hạn và chi phí vật tư gia tăng tiếp tục gây sức ép đối với người trồng cà phê. Tình trạng sử dụng nước tưới, phân bón vượt nhu cầu cây trồng tại một số vùng không chỉ làm tăng chi phí mà còn gây lãng phí tài nguyên, ảnh hưởng đến chất lượng đất và môi trường. Vì vậy, cần đổi mới kỹ thuật canh tác, giảm chi phí và phát thải.

Trước hết, tưới nước đúng nhu cầu, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. Người trồng cà phê cần xác định lượng nước, thời điểm và chu kỳ tưới phù hợp với độ ẩm đất, tuổi cây và thời tiết; tránh tưới dư thừa. Tưới phun mưa cục bộ, tưới nhỏ giọt hoặc kết hợp bón phân qua hệ thống tưới giúp hạn chế thất thoát. Theo Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, tưới phun mưa cục bộ có thể tiết kiệm khoảng 25% nước, 33,3% công tưới và 20% phân bón; tưới nhỏ giọt tiết kiệm 30–50% nước so với tưới truyền thống.

Khi đồng thời giảm điện hoặc nhiên liệu bơm tưới, giải pháp còn góp phần giảm phát thải từ sử dụng năng lượng.

Thứ hai, bón phân cân đối, cải thiện sức khỏe đất. Cần bón phân theo nhu cầu dinh dưỡng, năng suất và độ phì đất; tránh bón dư phân đạm, tăng sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh phù hợp, kết hợp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM). Tủ gốc bằng lá khô, phụ phẩm nông nghiệp giúp giữ ẩm, hạn chế xói mòn. Quản lý hiệu quả phân bón chứa nitơ góp phần hạn chế thất thoát dinh dưỡng và nguy cơ phát thải khí N_2O từ đất, đồng thời tiết kiệm chi phí.

Thứ ba, tận dụng phụ phẩm theo hướng kinh tế tuần hoàn. Cành cà phê sau cắt tỉa, vỏ cà phê sau thu hoạch có thể được xử lý thành phân compost hoặc than sinh học (biochar) để bổ sung trở lại cho đất. Biện pháp này góp phần giảm chất thải, cải thiện độ phì và khả năng giữ ẩm, giảm nhu cầu phân bón hóa học. Than sinh học còn có tiềm năng lưu giữ các - bon tương đối ổn định trong đất nếu được sản xuất, sử dụng đúng quy trình.

Thứ tư, phát triển hệ thống canh tác có cây che bóng, trồng xen phù hợp. Bố trí hợp lý cây ăn quả, mắc ca hoặc cây che bóng giúp điều hòa tiểu khí hậu, hạn chế bốc hơi nước, xói mòn và đa dạng hóa nguồn thu. Cần lựa chọn cây trồng xen, mật độ và chế độ chăm sóc phù hợp để tránh cạnh tranh nước, dinh dưỡng và phát sinh dịch hại.

Thứ năm, tái canh gắn với giống chất lượng cao và canh tác bền vững. Đối với diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp, cần sử dụng giống đã được công nhận, có khả năng kháng bệnh, thích ứng điều kiện sinh thái; kết hợp quản lý đất, nước và dinh dưỡng hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trên một đơn vị diện tích.

Theo Đề án "Sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2050", ngành trồng trọt phấn đấu đến năm 2035 góp phần giảm ít nhất 15% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với năm cơ sở 2020.

Gia tăng giá trị, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Quy định chống mất rừng và suy thoái rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) đặt ra yêu cầu quản lý vùng nguyên liệu, xác định vị trí địa lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đến ngày 30/9/2026, diện tích cà phê đã được rà soát, có cơ sở dữ liệu vùng trồng đáp ứng EUDR tại các tỉnh trong vùng đạt khoảng 332.607 ha, tương đương 48,2% diện tích cà phê toàn vùng.

Theo định hướng đến năm 2030, ngành cà phê phấn đấu có 35–40% diện tích đạt các tiêu chuẩn sản xuất bền vững, trên 70% diện tích được cấp mã số vùng trồng phục vụ truy xuất nguồn gốc và tỷ lệ chế biến sâu đạt khoảng 20–25% tổng sản lượng.

Tại Lâm Đồng, 6 vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao với diện tích hơn 2.268 ha đã được công nhận; trên 38.000 ha cà phê áp dụng tưới tiết kiệm. Tại Gia Lai, hơn 18.887 ha cà phê áp dụng phương pháp tưới tiên tiến; đồng thời triển khai các mô hình cà phê hữu cơ, canh tác thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu và trồng xen cây ăn quả. Theo định hướng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, sáu mô hình sản xuất cà phê giảm phát thải dự kiến được xây dựng tại Quảng Ngãi, Gia Lai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Điện Biên và Sơn La, làm cơ sở đánh giá, hoàn thiện và chuyển giao các giải pháp phù hợp với từng vùng sinh thái.

Theo đó, hoạt động khuyến nông cần đổi mới theo hướng lấy hiệu quả kinh tế và lợi ích của người sản xuất làm thước đo. Công tác tập huấn phải giúp nông dân đánh giá lượng nước, phân bón tiết kiệm, chi phí giảm, chất lượng sản phẩm cải thiện; đồng thời hướng dẫn ghi chép sản xuất, truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ.

Phát triển cà phê bền vững, giảm phát thải phải bắt đầu từ lợi ích thiết thực của người sản xuất: giảm chi phí đầu vào, giảm tác động môi trường và nâng cao giá trị sản phẩm. Đổi mới tư duy sản xuất, lan tỏa tri thức khuyến nông, ứng dụng khoa học công nghệ và liên kết chuỗi giá trị là nền tảng kiến tạo ngành cà phê xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế cà phê Việt Nam trên thị trường quốc tế.



THU HẰNG

ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ – ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN NUÔI TÔM NƯỚC LỢ BỀN VỮNG



Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Lê Quốc Thanh phát biểu tại diễn đàn



Vùng nuôi tôm công nghệ cao tỉnh Cà Mau

Ngày 29/10/2026, tại thành phố Cần Thơ, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề "Ứng dụng các giải pháp tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển nuôi tôm nước lợ bền vững tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long".

Theo báo cáo của Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giữ vai trò chủ lực trong sản xuất tôm nước lợ của cả nước. Năm 2025, toàn vùng có 704,4 nghìn ha nuôi tôm, chiếm 93,2% diện tích cả nước, sản lượng đạt 1,225 triệu tấn, chiếm 87,2%. Trong 9 tháng đầu năm 2026, diện tích nuôi đạt 699 nghìn ha, sản lượng đạt 935 nghìn tấn, chiếm 87,1% sản lượng tôm nước lợ cả nước.

Tuy nhiên, nghề nuôi tôm trong vùng đang đối mặt với nhiều thách thức. Biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, nhiệt độ cực đoan và biến động chất lượng nguồn nước làm gia tăng nguy cơ dịch bệnh, ảnh hưởng đến tỷ lệ sống và năng suất tôm nuôi. Bên cạnh đó, chi phí thức ăn, con giống và vật tư đầu vào còn cao; hạ tầng vùng nuôi chưa đồng bộ; sản xuất nhỏ lẻ, liên kết chuỗi chưa chặt chẽ, gây khó khăn trong kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Đáng chú ý, bệnh đốm trắng và hoại tử gan tụy tiếp tục là những nguy cơ lớn đối với sản xuất. Trong 9 tháng đầu năm 2026, hệ thống VAHIS ghi nhận diện tích tôm bị bệnh đốm trắng là 419,4 ha, bệnh hoại tử gan tụy 157,82 ha. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới quy trình sản xuất, tăng cường quản lý môi trường, kiểm soát dịch bệnh và nâng cao năng lực ứng dụng khoa học công nghệ của người nuôi.

Một trong những nội dung được quan tâm tại Diễn đàn là kết quả ứng dụng tiến bộ kỹ thuật thông qua các mô hình khuyến nông đã triển khai tại nhiều địa phương. Thực tiễn cho thấy, việc kết hợp công nghệ với phương thức tổ chức sản xuất phù hợp không chỉ giúp nâng cao năng suất, chất lượng tôm mà còn giảm chi phí, hạn chế rủi ro và tăng khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đối với mô hình nuôi tôm sinh thái dưới tán rừng ngập mặn tại Cà Mau, việc chuyển từ nuôi một

giai đoạn sang hai giai đoạn, kết hợp sử dụng chế phẩm sinh học, kiểm soát tốt môi trường ương và duy trì mật độ nuôi phù hợp đã giúp nâng cao tỷ lệ sống, hạn chế dịch bệnh. Mô hình đạt năng suất từ 600 kg/ha, hiệu quả kinh tế khoảng 60 - 70 triệu đồng/ha. Riêng năm 2025, mô hình đã được nhân rộng thêm 43,4 ha với 10 hộ tham gia.

Ở các vùng sản xuất lúa - tôm, việc kết hợp luân canh hoặc xen canh giúp khai thác hiệu quả tài nguyên đất, nước, hạn chế dịch bệnh và đa dạng hóa nguồn thu nhập. Các mô hình ứng dụng giống phù hợp, nuôi tôm nhiều giai đoạn và sử dụng chế phẩm sinh học đã giúp giảm khoảng 10 - 15% chi phí sản xuất trong một chu kỳ canh tác, hiệu quả kinh tế tăng từ 1,3 lần trở lên so với phương thức chỉ trồng lúa hoặc nuôi tôm quảng canh truyền thống. Đặc biệt, mô hình tôm sú - lúa cho năng suất tôm trung bình 600 - 700 kg/ha, năng suất lúa đạt 4 - 6 tấn/ha, lợi nhuận khoảng 60 - 70 triệu đồng/ha.

Đối với nuôi tôm thâm canh, công nghệ nuôi hai giai đoạn, ứng dụng vi sinh, hệ thống cảnh báo môi trường tự động và giải pháp quản lý dinh dưỡng đang cho thấy hiệu quả rõ nét. Một số mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng tại các tỉnh ĐBSCL đạt năng suất 25 - 36 tấn/ha/vụ, lợi nhuận từ trên 600 triệu đồng đến hơn 900 triệu đồng/ha. Việc ứng dụng cảm biến và hệ thống cảnh báo tự động giúp người nuôi chủ động theo dõi các yếu tố môi trường như pH, nhiệt độ, độ mặn, ôxy hòa tan, từ đó kịp thời điều chỉnh quy trình chăm sóc, giảm rủi ro và chi phí sản xuất.

Bên cạnh các mô hình trình diễn, Diễn đàn cũng đề cập đến những tiến bộ công nghệ có khả năng ứng dụng rộng rãi như biofloc, hệ thống nuôi tuần hoàn (RAS), tự động hóa cho ăn, cảm biến giám sát môi trường và quản lý dữ liệu ao nuôi. Theo báo cáo của Cục Thủy sản và Kiểm ngư, hệ số chuyển đổi thức ăn (FCR) ở một số mô hình ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 1,1 - 1,3, thấp hơn mức 1,4 - 1,6 của phương thức nuôi thâm canh truyền thống.

Một vấn đề nữa được nhiều đại biểu quan tâm là tổ chức sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Các mô hình liên kết sản xuất được Trung tâm Khuyến nông quốc gia triển khai cho thấy hiệu quả tích cực. Tại các mô hình tôm - lúa ở Cần Thơ và Cà Mau, lợi nhuận bình quân đạt 82,1 triệu đồng/ha, cao hơn 62% so với ngoài mô hình. Mô hình tôm - rừng tại Cà Mau đạt hiệu quả kinh tế bình quân 87,7 triệu đồng/ha, cao hơn 46% so với sản xuất ngoài mô hình. Những kết quả này khẳng định vai trò của việc kết hợp tiến bộ kỹ thuật với tổ chức hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Phát biểu kết luận Diễn đàn, lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông quốc gia nhấn mạnh yêu cầu phát triển nghề nuôi tôm theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng chống chịu, thay vì chỉ chú trọng gia tăng sản lượng.

Trong đó, cần rà soát quy hoạch, cấp mã số vùng nuôi tập trung, tăng cường truy xuất nguồn gốc và tổ chức lại sản xuất nhằm khắc phục tình trạng manh mún, nhỏ lẻ. Đồng thời, cần phát triển các mô hình nuôi tôm thuận thiên, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ sinh học, công nghệ tuần hoàn và giải pháp quản lý môi trường.

Tăng cường hợp tác công tư, phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp trong cung ứng giống, thức ăn, vật tư, chuyển giao công nghệ và bao tiêu sản phẩm. Hệ thống khuyến nông cơ sở, khuyến nông cộng đồng cần tiếp tục được củng cố, nâng cao năng lực để trực tiếp tư vấn, hướng dẫn và đồng hành cùng người nuôi trong quá trình chuyển đổi phương thức sản xuất.

Đặc biệt, công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo và tập huấn cần được đẩy mạnh, giúp người dân tiếp cận kịp thời các tiến bộ kỹ thuật, lựa chọn mô hình phù hợp với điều kiện sản xuất và tránh đầu tư tự phát, thiếu hiệu quả.



MINH CHÂU



TUYÊN QUANG CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG ĐÓI RÉT VÀ DỊCH BỆNH, BẢO VỆ ĐÀN TRÂU, BÒ



Cán bộ khuyến nông hướng dẫn bà con chế biến thức ăn cho đàn trâu, bò

Ngày 23/10/2026, tại xã Hoàng Su Phì, Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang phối hợp với UBND xã Hoàng Su Phì tổ chức Tọa đàm khuyến nông năm 2026 với chủ đề "Một số giải pháp phòng, chống đói rét và dịch bệnh cho trâu, bò trong mùa đông".

Theo báo cáo của ngành nông nghiệp, đến hết tháng 9/2026, toàn tỉnh có trên 202 nghìn con trâu, 176 nghìn con bò, hơn 1,2 triệu con lợn, 215 nghìn con dê và gần 15 triệu con gia cầm. Sản lượng thịt hơi đạt khoảng 152 nghìn tấn, mật ong 579 tấn và sữa tươi 33 nghìn tấn. Chăn nuôi đang từng bước chuyển từ quy mô hộ nhỏ lẻ sang trang trại, gia trại, hợp tác xã và doanh nghiệp; toàn tỉnh hiện có khoảng 1.151 trang trại chăn nuôi. Một số cơ sở đã đầu tư chuồng nuôi khép kín, ứng dụng tự động hóa, phần mềm quản lý đàn và các giải pháp kiểm soát môi trường, xử lý chất thải.

Đáng chú ý, Tuyên Quang có lợi thế về nguồn gen vật nuôi bản địa, trong đó bò vàng Hà Giang (bò H'Mông) với quy mô khoảng 105.000 con là nguồn lực quan trọng để phát triển sản phẩm chăn nuôi đặc trưng. Sản phẩm "Thịt bò Hà Giang" đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, góp phần nâng cao giá trị và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, chăn nuôi của tỉnh vẫn đối mặt với nhiều thách thức, nhất là trước diễn biến thời tiết ngày càng cực đoan và nguy cơ dịch bệnh phát sinh. Tại các xã vùng cao, địa hình phức tạp, mùa đông thường xuất hiện rét đậm, rét hại kéo dài, khiến việc chăm sóc, bảo vệ đàn gia súc gặp nhiều khó khăn. Không ít hộ vẫn thiếu chuồng trại kiên cố, chưa chủ động dự trữ thức ăn, còn tập quán chăn thả tự do khi thời tiết giá rét. Đây là những yếu tố làm gia tăng nguy cơ trâu, bò bị suy kiệt sức khỏe, giảm sức đề kháng, mắc bệnh, thậm chí chết do đói rét.

Nguy cơ càng lớn đối với bê, nghé non, gia súc già yếu hoặc thể trạng kém. Vì vậy, phòng, chống đói rét và dịch bệnh không chỉ là giải pháp ứng phó trước mắt mà cần được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với tổ chức lại sản xuất chăn nuôi theo hướng an toàn, chủ động và bền vững.

Tại tọa đàm, các đại biểu đã nghe báo cáo tham luận tập trung vào những nội dung thiết thực: tiến bộ kỹ thuật về giống và chăm sóc trâu, bò trong vụ đông tại các tỉnh miền núi phía Bắc; thực trạng, giải pháp phát triển chăn nuôi và phòng, chống đói rét, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; thực trạng và giải pháp bảo vệ đàn trâu, bò trong mùa đông tại xã Hoàng Su Phì.



Bà con chủ động nguồn thức ăn và giữ ấm cho gia súc trong mùa đông



Các chuyên gia và ban cố vấn đã giải đáp những vấn đề người chăn nuôi quan tâm như kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng khi nhiệt độ xuống thấp; thiết kế chuồng trại giữ ấm; phương pháp dự trữ, chế biến thức ăn; lịch tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc khử trùng; nhận biết và xử lý khi vật nuôi có dấu hiệu mắc bệnh. Những nội dung về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cũng được trao đổi, góp phần giúp người dân nâng cao hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

Một trong những giải pháp được các chuyên gia đặc biệt nhấn mạnh là phải chủ động nguồn thức ăn trước khi mùa đông đến. Các hộ cần tăng diện tích trồng cỏ, ngô sinh khối; tận dụng rơm rạ, thân cây ngô và các nguồn phụ phẩm nông nghiệp để chế biến, bảo quản làm thức ăn dự trữ. Theo khuyến cáo tại tọa đàm, mỗi con trâu, bò cần dự trữ khoảng 50-100 kg thức ăn tinh và từ 1-1,2 tấn thức ăn thô xanh trở lên để bảo đảm nguồn dinh dưỡng trong những ngày rét đậm, rét hại.

Cùng với đó, chuồng nuôi cần được che chắn kín gió, nền chuồng luôn khô ráo, có đủ chất độn chuồng và vật liệu giữ ấm. Người chăn nuôi cần chủ động điều chỉnh chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp, đặc biệt quan tâm đến bê, nghé non và những con gia súc gầy yếu. Việc hạn chế chăn thả, đưa gia súc về nơi nuôi nhốt an toàn khi nhiệt độ xuống thấp là yêu cầu quan trọng nhằm giảm thiểu tác động trực tiếp của thời tiết.

Đối với công tác phòng, chống dịch bệnh, cần thực hiện đầy đủ các loại vắc - xin theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn, bảo đảm đúng đối tượng, đúng thời gian và tỷ lệ tiêm phòng. Các hộ cần duy trì vệ sinh chuồng trại, định kỳ tiêu độc, khử trùng; kiểm soát chặt chẽ con giống, thức ăn, nước uống và vật nuôi mới nhập đàn; thực hiện đồng bộ các biện pháp an toàn sinh học. Đặc biệt, khi phát hiện vật nuôi có biểu hiện mắc bệnh hoặc chết bất thường, người dân phải báo ngay cho chính quyền và cơ quan chuyên môn, tuyệt đối không tự ý vận chuyển, bán chạy, giết mổ hoặc vứt xác động vật ra môi trường, tránh nguy cơ phát tán mầm bệnh.

Ông Trịnh Văn Bình, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu các đơn vị chuyên môn thuộc Sở, trong đó có Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông, phối hợp chặt chẽ với UBND các xã đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân triển khai các biện pháp phòng, chống đói rét và dịch bệnh cho đàn vật nuôi. Trọng tâm là rà soát số lượng trâu, bò, đặc biệt quan tâm các hộ nghèo, hộ ở vùng cao, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng nặng nề của giá rét; phân công cán bộ khuyến nông, nhân viên khuyến nông và thú y trực tiếp xuống thôn, bản hướng dẫn người dân gia cố chuồng trại, kỹ thuật ủ rơm, ủ cỏ và dự trữ thức ăn cho gia súc.

Đồng thời, cần tuyên truyền, vận động người dân kiên quyết không thả rông gia súc trong rừng, trên núi khi nhiệt độ xuống dưới 12°C; chủ động thực hiện phương châm: "Có chuồng - có thức ăn dự trữ - có biện pháp giữ ấm - có kế hoạch phòng bệnh".

Tọa đàm không chỉ cung cấp kiến thức, tiến bộ kỹ thuật mà còn góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người chăn nuôi trong việc chuyển từ ứng phó bị động sang chủ động phòng ngừa. Để những giải pháp được triển khai hiệu quả, vai trò đồng hành của cán bộ khuyến nông và chính quyền cơ sở có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong việc đưa kiến thức kỹ thuật đến từng hộ, từng thôn bản. Chủ động bảo vệ đàn gia súc trước mùa đông không chỉ góp phần hạn chế thiệt hại về kinh tế mà còn tạo nền tảng để phát triển chăn nuôi an toàn, ổn định và bền vững tại các địa phương vùng cao.

VŨ NGỌC TUYỀN
Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang

HÀ NỘI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030

HƯỚNG TỚI NÔNG THÔN XANH, HIỆN ĐẠI, BỀN VỮNG



BỘ TIÊU CHÍ MỚI 10 TIÊU CHÍ 47 CHỈ TIÊU | ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ | PHÁT TRIỂN XANH VÀ KINH TẾ TUẦN HOÀN | BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SỐNG | NÂNG CAO THU NHẬP VÀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG | HƯỚNG TỚI NÔNG THÔN XANH - VĂN MINH - HIỆN ĐẠI

1 MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

- **80%** Xã đạt chuẩn nông thôn mới
- **20%** Xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại

➡ Tạo nền tảng phát triển bền vững cho khu vực nông thôn Thủ đô

2 PHÂN NHÓM XÃ ĐỂ XÂY DỰNG TIÊU CHÍ

TOÀN THÀNH PHỐ: 75 XÃ

Nhóm 1 — 36 xã
- Khu vực ven đô
- Đô thị hóa cao
- Điều kiện phát triển thuận lợi

Nhóm 2 — 39 xã
- Đặc trưng nông nghiệp
- Miền núi, xa trung tâm
- Điều kiện phát triển khó khăn hơn

3 BỘ TIÊU CHÍ MỚI 2026-2030

10 TIÊU CHÍ **47 CHỈ TIÊU**

- ✓ Kế thừa kết quả giai đoạn trước
- ✓ Bổ sung yêu cầu mới phù hợp xu thế phát triển

4 HAI TRỤ CỘT MỚI

CHUYỂN ĐỔI SỐ
- Quản lý nhà nước
- Sản xuất nông nghiệp
- Đời sống người dân

PHÁT TRIỂN XANH
- Kinh tế xanh
- Kinh tế tuần hoàn
- Bảo vệ môi trường

5 TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG NÂNG CAO

- **100%** Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý
- **≥80%** Rác thải được phân loại tại nguồn
- **0%** Chôn lấp trực tiếp rác sinh hoạt

Ngoài ra:
- ✓ Xử lý chất thải chăn nuôi
- ✓ Xử lý nước thải sinh hoạt
- ✓ Thu gom phụ phẩm nông nghiệp
- ✓ Bảo vệ nguồn nước và cảnh quan

6 YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÓM 1

- **Thu nhập:** Tăng tối thiểu **10,5%**/năm
- **Lao động:** Tối thiểu **40%** Có bằng cấp, chứng chỉ
- **Giáo dục:** **60%** Người trong độ tuổi tiếp tục học sau THPT
- **Giảm nghèo:** Hộ nghèo đa chiều **≤ 1,5%**

Chuyển đổi số
- Tối thiểu 2 thôn thông minh/xã
- Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến **≥ 93%**

Phát triển kinh tế
- Nông nghiệp công nghệ cao
- Kinh tế xanh
- Kinh tế tuần hoàn

7 YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÓM 2

- ★★★★ Ít nhất **5** sản phẩm **OCOP 4 sao**

HOẶC

- ★★★ Ít nhất **10** sản phẩm **OCOP 3 sao**

➡ **Mức yêu cầu cao hơn nhóm 1**
Nhằm thúc đẩy phát triển đồng đều giữa các khu vực

8 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KỲ VỌNG

NÔNG THÔN MỚI THẾ HỆ MỚI

Chuyển đổi số | Môi trường xanh | Kinh tế tuần hoàn | Chất lượng sống cao hơn | Nông nghiệp hiện đại | Thu nhập bền vững

Bộ tiêu chí xã nông thôn mới Hà Nội giai đoạn 2026-2030 được kỳ vọng trở thành động lực quan trọng giúp xây dựng:

THỦ ĐÔ CÓ VÙNG NÔNG THÔN:

Xanh | Văn minh | Hiện đại | Giàu bản sắc | Phát triển bền vững

Hà Tĩnh: TRIỂN VỌNG TỪ MÔ HÌNH NUÔI ĐÀ ĐIỂU THƯƠNG PHẨM

Từ 150 con đà điểu giống được đưa vào nuôi thử nghiệm, sau hơn một năm, đàn đà điểu tại xã Việt Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh sinh trưởng ổn định, trọng lượng đạt 80 - 100 kg/con. Kết quả bước đầu cho thấy mô hình có khả năng thích nghi với điều kiện chăn nuôi tại địa phương, mở thêm hướng đa dạng hóa đối tượng vật nuôi.

Công ty CP Nguyệt Quang, xã Việt Xuyên bắt đầu triển khai mô hình nuôi đà điểu thương phẩm từ tháng 8/2025, với quy mô 150 con giống. Tổng vốn đầu tư ban đầu hơn 900 triệu đồng, tập trung cho con giống, xây dựng chuồng trại và các điều kiện phục vụ chăn nuôi. Đây là đối tượng vật nuôi mới trên địa bàn nên trong quá trình triển khai, doanh nghiệp vừa tổ chức chăm sóc, theo dõi sinh trưởng, vừa từng bước tích lũy kinh nghiệm và hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện thực tế.



Sau hơn một năm nuôi, đàn đà điểu sinh trưởng khá ổn định, trọng lượng bình quân đạt khoảng 80 - 100 kg/con. Theo đại diện Công ty CP Nguyệt Quang, khả năng thích nghi với điều kiện thời tiết, khí hậu tại địa phương là một trong những tín hiệu tích cực của mô hình.

Để bảo đảm đàn vật nuôi phát triển tốt, doanh nghiệp chú trọng từ khâu thiết kế chuồng trại, vệ sinh môi trường, khẩu phần thức ăn đến chăm sóc và phòng bệnh. Đà điểu giai đoạn nhỏ sử dụng khoảng 0,5 kg thức ăn/con/ngày; khi trưởng thành, lượng thức ăn tăng lên khoảng 2 kg/con/ngày. Nguồn thức ăn chủ yếu gồm cỏ và cây xuyến chi; khi đà điểu trưởng thành được bổ sung thêm thức ăn công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng. Bên cạnh đó, đàn vật nuôi được thực hiện các biện pháp phòng bệnh, trong đó có tiêm phòng một số loại vắc-xin theo hướng dẫn kỹ thuật. Việc theo dõi đàn thường xuyên giúp doanh nghiệp kịp thời điều chỉnh chế độ chăm sóc theo từng giai đoạn sinh trưởng. Qua thực tế, đà điểu cho thấy khả năng tăng trưởng tương đối tốt khi được bảo đảm các điều kiện về chuồng nuôi, thức ăn và chăm sóc.

Không chỉ cho thấy khả năng thích nghi, mô hình nuôi đà điểu thương phẩm tại Việt Xuyên đang có những tín hiệu tích cực về đầu ra. Dự kiến trong tháng 10/2026, doanh nghiệp sẽ xuất bán lứa đầu khoảng 30 con. Theo Công ty CP Nguyệt Quang, sản phẩm đà điểu thương phẩm hiện được tiêu thụ tại Hà Nội và một số tỉnh phía Bắc, với giá khoảng 85.000 đồng/kg. Sau khi tính toán chi phí, lợi nhuận dự kiến đạt khoảng 2 - 2,5 triệu đồng/con.

Đây mới là kết quả bước đầu của mô hình thử nghiệm và hiệu quả kinh tế cần tiếp tục được đánh giá qua các lứa nuôi tiếp theo. Tuy nhiên, những kết quả ban đầu về sinh trưởng, khả năng thích nghi và tiêu thụ sản phẩm đang tạo cơ sở để doanh nghiệp tiếp tục hoàn thiện quy trình chăn nuôi.

Bà Lê Thị Hường - cán bộ Phòng Kinh tế, UBND xã Việt Xuyên cho biết đây là mô hình chăn nuôi mới được triển khai trên địa bàn. Qua theo dõi bước đầu, mô hình cho thấy những tín hiệu tích cực. Địa phương sẽ tiếp tục theo dõi quá trình phát triển của đàn, hiệu quả sản xuất cũng như khả năng tiêu thụ sản phẩm để có cơ sở đánh giá và định hướng phát triển phù hợp.

HOÀNG ANH THƠ
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

Chuyển đổi cây trồng TRÊN ĐẤT LÚA THIẾU NƯỚC THÍCH ỨNG VỚI KHÔ HẠN



Chuyển đổi đất lúa có nguy cơ khô hạn cao trong vụ Hè Thu sang trồng lạc, vừng là giải pháp được triển khai trong dự án khuyến nông Trung ương tại một số tỉnh Nam Trung Bộ. Kết quả các mô hình cho thấy khả năng tiết kiệm nước tưới và nâng cao lãi ròng so với sản xuất lúa đối chứng, góp phần giúp nông dân lựa chọn mùa vụ phù hợp với điều kiện nguồn nước.

Chuyển đổi mùa vụ trên đất lúa có nguy cơ khô hạn

Với những diện tích lúa có nguy cơ thiếu nước tưới trong vụ Hè Thu, việc lựa chọn cây trồng phù hợp với khả năng cung cấp nước có ý nghĩa quan trọng. Thuộc dự án Khuyến nông Trung ương "Xây dựng mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng tại một số tỉnh Nam Trung bộ", các mô hình đã chuyển cơ cấu hai vụ lúa sang một vụ lúa Đông Xuân và một vụ lạc hoặc vừng trong vụ Hè Thu. Điểm chung của hai mô hình là giữ vụ lúa Đông Xuân, chuyển vụ Hè Thu sang cây trồng cạn. Hiệu quả được đánh giá qua năng suất, chi phí đầu tư, doanh thu, lãi ròng và lượng nước tưới, có đối chiếu với ruộng trồng lúa tại địa phương.

Trồng lạc vụ Hè Thu - lãi tăng, nước tưới giảm: Mô hình chuyển đổi sang trồng lạc được Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ và Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi triển khai vụ Hè Thu các năm 2020 - 2021, quy mô 50 ha với 322 hộ tham gia. Theo địa giới hành chính hiện nay, địa điểm thực hiện thuộc xã Phù Mỹ Bắc, tỉnh Gia Lai; xã Đình Cương, tỉnh Quảng Ngãi; xã Thăng Phú, thành phố Đà Nẵng.

Năng suất lạc đạt 38,9 tạ/ha tại tỉnh Gia Lai, 29,4 tạ/ha tại Quảng Ngãi và 23,5 tạ/ha tại thành phố Đà Nẵng. Theo hạch toán kinh tế, doanh thu bình quân mô hình đạt khoảng 80,92 triệu đồng/ha, tổng chi phí 47,32 triệu đồng/ha và lãi ròng 33,60 triệu đồng/ha. So với lãi ròng 8,23 triệu đồng/ha của ruộng lúa đối chứng, mức lãi tăng bình quân đạt khoảng 25,37 triệu đồng/ha. Chênh lệch lãi



từng địa phương từ 7,66 đến khoảng 35,81 triệu đồng/ha.

Về nước tưới, cây lạc sử dụng khoảng 6.000 m^3/ha/vụ khi tưới thấm theo rãnh, trong khi một vụ lúa cần 10.000 - 12.000 m^3/ha. Nhờ đó, chuyển sang trồng lạc tiết kiệm khoảng 4.000 - 6.000 m^3 nước/ha/vụ.

Trồng vừng vụ Hè Thu- giảm áp lực nguồn nước: Mô hình chuyển đổi đất lúa sang trồng vừng cũng được triển khai tại các địa phương nêu trên, thời gian từ năm 2020 - 2022 với quy mô 15 ha. Năng suất vừng bình quân đạt 9,6 tạ/ha. Theo hạch toán, doanh thu bình quân đạt 43,20 triệu đồng/ha, chi phí đầu tư 24,54 triệu đồng/ha, lãi ròng 18,66 triệu đồng/ha. So với sản xuất lúa đối chứng, lãi tăng bình quân 10,43 triệu đồng/ha. Cây vừng có khả năng chịu hạn tốt. Lượng nước tưới ước khoảng 4.000 m^3/ha/vụ, thấp hơn 6.000 - 8.000 m^3/ha/vụ so với trồng lúa.

Phát huy hiệu quả mô hình khuyến nông trong thích ứng với khô hạn

Kết quả các mô hình chuyển đổi đất lúa sang trồng lạc, vừng tại Nam Trung Bộ cho thấy ý nghĩa thiết thực của hoạt động khuyến nông trong lựa chọn, thử nghiệm và đánh giá phương thức sản xuất phù hợp với điều kiện thiếu nước tưới. Thông qua việc triển khai mô hình và so sánh với sản xuất lúa đối chứng, hiệu quả chuyển đổi được thể hiện bằng những chỉ tiêu cụ thể về năng suất, doanh thu, chi phí đầu tư, lãi ròng và lượng nước sử dụng. Đáng chú ý, hai loại cây trồng đều cho hiệu quả kinh tế cao hơn sản xuất lúa trong điều kiện mô hình. Trong đó, trồng lạc có mức tăng lãi bình quân 25,37 triệu đồng/ha, còn trồng vừng có mức tăng lãi 10,43 triệu đồng/ha. Lượng nước tiết kiệm lần lượt đạt 4.000 - 6.000 m^3 và 6.000 - 8.000 m^3/ha/vụ.

Những kết quả này cung cấp cơ sở thực tiễn để các địa phương tham khảo khi xem xét chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa có nguy cơ khô hạn cao. Tuy nhiên, việc lựa chọn lạc, vừng hay cây trồng khác cần căn cứ vào điều kiện sản xuất cụ thể, khả năng cung cấp nước và hiệu quả kinh tế tại từng địa phương.

Thực tiễn từ các mô hình khuyến nông cho thấy, thích ứng với khô hạn không chỉ là bảo đảm nguồn nước cho cây trồng mà còn là lựa chọn cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp. Chuyển đổi đúng điều kiện sản xuất sẽ góp phần tiết kiệm tài nguyên nước, nâng cao hiệu quả kinh tế và giúp người nông dân chủ động hơn trước nguy cơ khô hạn.









NGUYỆT THƯ





Cà phê Bích Thảo Sơn La

ĐIỂM SÁNG TRONG PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ BỀN VỮNG

Sơn La là địa phương có nhiều lợi thế phát triển cây cà phê, đặc biệt là cà phê Arabica. Những năm qua, cùng với việc mở rộng vùng nguyên liệu, nhiều hợp tác xã đã chủ động đổi mới phương thức sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh chế biến sâu và xây dựng thương hiệu nông sản. Trong đó, Hợp tác xã (HTX) Cà phê Bích Thảo Sơn La là mô hình tiêu biểu với nhiều cách làm sáng tạo trong tổ chức sản xuất, liên kết với nông dân và phát triển chuỗi giá trị cà phê theo hướng bền vững.

HTX Cà phê Bích Thảo Sơn La được thành lập ngày 7/5/2017 tại bản Hoàng Văn Thụ, xã Hua La, thành phố Sơn La (nay thuộc phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La), với 11 thành viên ban đầu. Xuất phát từ thực tế sản xuất cà phê còn nhỏ lẻ, thiếu liên kết và phụ thuộc vào thương lái, HTX được thành lập nhằm tập hợp các hộ trồng cà phê, thống nhất quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng và chủ động đầu ra cho sản phẩm.

Dưới sự điều hành của Giám đốc Nguyễn Xuân Thao, HTX từng bước mở rộng quy mô, phát triển vùng nguyên liệu và nâng cao năng lực chế biến. Đến nay, HTX đã liên kết với khoảng 800 hộ dân, tương đương 2.000 ha vùng nguyên liệu. Đây là nền tảng quan trọng giúp HTX chủ động nguồn cung, kiểm soát chất lượng và tạo điều kiện để các hộ nông dân tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị cà phê.

Điểm nổi bật trong hoạt động của HTX là chuyển hướng từ kinh doanh cà phê nguyên liệu sang chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm và phát triển thị trường, góp phần nâng cao giá trị hạt cà phê Sơn La.

Xác định chất lượng là yếu tố quyết định sức cạnh tranh, HTX chú trọng chuyển giao kỹ thuật cho các hộ liên kết. Các khâu từ chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh đến thu hái, bảo quản đều được hướng dẫn theo quy trình thống nhất. HTX cũng thử nghiệm, mở rộng giống cà phê THA1 có năng suất, chất lượng cao; khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ và áp dụng các tiêu chuẩn sản xuất an toàn như VietGAP.

Đáng chú ý, HTX đã nghiên cứu, ứng dụng thành công phương pháp chế biến Honey (mật ong),

kết hợp phơi cà phê trong nhà kính nhằm nâng cao chất lượng hạt, giữ được hương vị đặc trưng của cà phê Arabica Sơn La. Phương pháp này mang lại giá trị lợi nhuận cao gấp 2–3 lần so với phương pháp sơ chế thông thường.

Bên cạnh đó, HTX ứng dụng công nghệ chế biến khô, không sử dụng nước, giúp tiết kiệm tài nguyên và hạn chế phát sinh chất thải. HTX còn chủ động nghiên cứu, cải tiến máy móc, thiết bị phục vụ sơ chế, chế biến, góp phần giảm công lao động và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Một trong những dấu ấn của HTX Cà phê Bích Thao là tận dụng tối đa giá trị từ cây cà phê, không chỉ tập trung vào hạt cà phê mà còn khai thác các phụ phẩm trong quá trình sản xuất. Vỏ cà phê sau sơ chế được thu gom, ủ thành phân hữu cơ phục vụ sản xuất, góp phần giảm chất thải và hạn chế tác động đến môi trường.

Đặc biệt, HTX đã nghiên cứu phát triển sản phẩm trà quả cà phê (Cascara) từ vỏ quả cà phê, đồng thời đưa ra thị trường sản phẩm cà phê hòa tan thăng hoa nguyên chất bằng công nghệ chế biến hiện đại. Hiện nay, các sản phẩm của HTX khá đa dạng, gồm cà phê thóc, cà phê nhân, cà phê rang, cà phê bột, trà quả cà phê, cà phê phin giấy và cà phê hòa tan thăng hoa nguyên chất.

Song song với đầu tư sản xuất, HTX chú trọng xây dựng thương hiệu thông qua cải tiến bao bì, nhãn mác, tem truy xuất nguồn gốc và tích cực tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước, quốc tế để quảng bá sản phẩm.

Đặc biệt, HTX quan tâm phát triển các sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP. Sản phẩm Cà phê bột nguyên chất Bích Thao Sơn La được công nhận OCOP 5 sao cấp quốc gia và được cấp lại chứng nhận năm 2024. Tháng 1/2026, HTX tiếp tục có hai sản phẩm được UBND tỉnh Sơn La chứng nhận OCOP 4 sao, gồm Trà quả cà phê và Cà phê hòa tan thăng hoa nguyên chất.

Nhờ chú trọng chất lượng và xây dựng thương hiệu, sản phẩm cà phê Bích Thao đã có mặt tại nhiều tỉnh, thành phố trong nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Nha Trang... Đồng thời, sản phẩm từng bước tiếp cận và xuất khẩu sang các thị trường như Đức, Mỹ, Pháp và một số quốc gia khác.

Giai đoạn 2023–2025, tổng doanh thu của HTX đạt trên 164 tỷ đồng, lợi nhuận bình quân đạt 3,3%, nộp ngân sách nhà nước trên 2 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy hiệu quả từ việc tổ chức sản xuất theo chuỗi, nâng cao tỷ trọng chế biến sâu và chủ động mở rộng thị trường.

Phát huy kết quả đạt được, HTX Cà phê Bích Thao tiếp tục đặt mục tiêu mở rộng vùng nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển sản xuất theo hướng công nghệ cao, phát thải thấp. Theo định hướng phối hợp với UBND phường Chiềng Cơi, HTX dự kiến xây dựng vùng sản xuất cà phê công nghệ cao trên 300 ha, đồng thời liên kết với các hộ dân phát triển vùng cà phê bền vững, phát thải thấp và mô hình kinh tế tuần hoàn với diện tích khoảng 1.500 ha, hướng tới xây dựng mã số vùng trồng cho cà phê Chiềng Cơi.

Có thể khẳng định, HTX Cà phê Bích Thao Sơn La là mô hình tiêu biểu trong phát triển kinh tế tập thể gắn với sản xuất nông nghiệp hàng hóa và xây dựng chuỗi giá trị nông sản. Mô hình đã góp phần nâng cao giá trị cà phê địa phương, cải thiện thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển nông nghiệp theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững.



HÀ VŨ

KHAI THÁC HIỆU QUẢ MẶT NƯỚC

Từ mô hình nuôi cá kết hợp nuôi ếch





Thu hoạch cá rô đầu nhím tại hộ anh Nguyễn Sỹ Danh

Tận dụng diện tích ao sẵn có để nuôi cá rô đầu nhím dưới ao, kết hợp nuôi ếch trong lồng trên mặt nước, anh Nguyễn Sỹ Danh, xã Quỳnh Văn, tỉnh Nghệ An đã xây dựng mô hình nuôi thủy sản kết hợp với hai đối tượng khác nhau. Cách làm này không chỉ giúp khai thác hiệu quả hơn không gian mặt nước mà còn góp phần đa dạng hóa sản phẩm, tạo thêm nguồn thu trên cùng diện tích sản xuất.

Tháng 3/2026, anh Danh nhập hơn 40.000 con cá rô đầu nhím giống, thả nuôi trên diện tích ao 2.000 m^2. Đây là đối tượng nuôi có đặc điểm sinh trưởng tương đối nhanh, được thị trường phía Bắc quan tâm. Tuy nhiên, do chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế tại địa phương, gia đình anh phải chủ động tìm hiểu kỹ thuật, theo dõi quá trình sinh trưởng và điều chỉnh chế độ chăm sóc phù hợp.

Sau khoảng 5 tháng nuôi, cá đạt trọng lượng 3-5 con/kg. Gia đình thu hoạch được 3 tấn cá, với giá bán sỉ dao động 45.000-50.000 đồng/kg, tổng doanh thu đạt khoảng 135-150 triệu đồng. Sau khi trừ chi phí con giống và thức ăn, lợi nhuận từ nuôi cá ước đạt 60 triệu đồng.

Để duy trì tốc độ sinh trưởng và hạn chế rủi ro trong quá trình nuôi, anh Danh đặc biệt chú trọng quản lý môi trường ao. Hệ thống quạt nước được sử dụng nhằm tăng cường oxy hòa tan; việc thay nước được thực hiện khi cần thiết. Lượng thức ăn cũng được điều chỉnh theo sức ăn của cá, tránh dư thừa gây ô nhiễm nguồn nước. Bên cạnh thức ăn bổ sung, gia đình quan tâm đến nguồn thức ăn tự nhiên trong ao, góp phần tạo môi trường sinh trưởng phù hợp cho cá.

Không dừng lại ở việc lựa chọn đối tượng nuôi mới, điểm đáng chú ý trong cách tổ chức sản xuất của anh Danh là tận dụng không gian mặt nước để nuôi thêm ếch trong lồng. Thay vì chỉ khai thác tầng nước dưới ao để nuôi cá, việc bố trí lồng ếch phía trên giúp gia đình khai thác thêm một không gian sản xuất, tăng số lượng sản phẩm trên cùng

diện tích mặt nước mà không cần đầu tư thêm ao nuôi riêng.

Theo hạch toán của gia đình, nuôi ếch mang lại lợi nhuận khoảng 30 triệu đồng sau khi trừ chi phí. Như vậy, kết hợp hai đối tượng cá và ếch, tổng lợi nhuận của mô hình đạt khoảng 90 triệu đồng.

Tuy nhiên, nuôi kết hợp nhiều đối tượng trên cùng diện tích cũng đặt ra yêu cầu cao hơn trong quản lý môi trường và tổ chức chăm sóc. Thức ăn dư thừa, chất thải từ lồng ếch nếu không được kiểm soát có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước, tác động đến sức khỏe và tốc độ sinh trưởng của cá. Vì vậy, việc vệ sinh lồng nuôi, kiểm soát lượng thức ăn, theo dõi chất lượng nước và hoạt động của từng đối tượng cần được thực hiện thường xuyên.

Ông Nguyễn Tiến Liên, cán bộ khuyến nông thuộc Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Quỳnh Văn, cho biết: Khi nuôi kết hợp cá và ếch, người nuôi cần đặc biệt chú ý giữ môi trường nước sạch, vệ sinh lồng ếch thường xuyên, cho ăn vừa đủ để hạn chế thức ăn thừa và chất thải tích tụ trong ao. Đồng thời, cần theo dõi hoạt động của cá, tình trạng nước để kịp thời phát hiện và xử lý những bất thường. Muốn mô hình đạt hiệu quả ổn định, người nuôi phải nắm vững kỹ thuật, chăm sóc thường xuyên và tính toán hợp lý các khoản chi phí đầu tư.

Theo ông Nguyễn Song Quang, Chủ tịch Hội Nông dân xã Quỳnh Văn, cá rô đầu nhím, có đặc điểm sinh trưởng nhanh, thịt thơm ngon và được thị trường phía Bắc quan tâm. Việc đưa đối tượng này vào nuôi là hướng thử nghiệm mới tại địa phương, góp phần đa dạng hóa đối tượng thủy sản và mở thêm lựa chọn cho nông dân.

Tuy nhiên, theo ông Quang, một mô hình có hiệu quả ở quy mô hộ gia đình chưa đồng nghĩa với việc có thể áp dụng rộng rãi ở mọi điều kiện sản xuất. Trước khi đầu tư, người dân cần tìm hiểu kỹ nguồn giống, quy trình kỹ thuật, khả năng tiêu thụ sản phẩm và vốn đầu tư; đồng thời cân nhắc điều kiện ao nuôi, nguồn nước và kinh nghiệm chăm sóc của gia đình. Việc nhân rộng cần dựa trên kết quả đánh giá thực tế, tránh đầu tư theo phong trào khi chưa có đủ cơ sở về hiệu quả kinh tế.

Từ những kết quả bước đầu, gia đình anh Danh dự kiến mở rộng diện tích ao nuôi cá lên 4.000 m^2, hướng tới tổ chức sản xuất hai vụ mỗi năm. Đây là kế hoạch trong thời gian tới, đòi hỏi gia đình tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật, chủ động kiểm soát môi trường, chi phí đầu vào và tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định.

Để mô hình này phát huy hiệu quả lâu dài, vai trò của công tác khuyến nông rất quan trọng trong việc hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi môi trường, hỗ trợ đánh giá hiệu quả và kết nối, chia sẻ kinh nghiệm giữa các hộ nuôi. Đặc biệt, cần có kết quả theo dõi qua nhiều vụ sản xuất để xác định tính ổn định và khả năng nhân rộng của mô hình.



LÊ THÚY

Lào Cai: Bí quyết chăm sóc đàn ong nội VƯỢT QUA MÙA KHAN HIẾM MẬT

Đối với nghề nuôi ong nội (ong nội địa) tại tỉnh Lào Cai, giai đoạn mùa đông giá rét, khi nhiệt độ xuống cực thấp tại Sa Pa, Mù Cang Chải, Bát Xát, Bắc Hà, Mường Khương... hoặc mùa mưa lũ kéo dài chính là thử thách lớn nhất đối với người nuôi ong. Lúc này, nguồn mật và phấn hoa rừng tự nhiên cạn kiệt, nếu không có kỹ thuật chăm sóc đặc biệt, đàn ong nội rất dễ bị suy kiệt, ngừng đẻ, nhiễm bệnh hoặc bốc bay đồng loạt. Để bảo toàn số lượng và giúp đàn ong vượt qua giai đoạn khó khăn này, bà con cần thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp kỹ thuật dưới đây:

1. Kỹ thuật cho ăn bổ sung: "cứu đói" kịp thời và đúng cách

Do ong nội có đặc tính mẫn cảm, nếu thiếu ăn chúng sẽ ngừng nuôi ấu trùng rất nhanh để tiết kiệm năng lượng. Vì vậy, việc "tiếp tế" dinh dưỡng là bắt buộc.

- Cho ăn sirô đường (thay thế mật hoa), pha theo tỷ lệ 1,5 kg đường cát trắng: 1 lít nước sạch để ong vừa ăn vừa có nguyên liệu cơi màng giữ ấm. Cách cho ăn: Đổ sirô vào máng ăn vào buổi chiều tối. Tuyệt đối không để đường rớt ra ngoài vỏ thùng hay lối đi để tránh kích động các đàn khác đến cướp mật.

- Cho ăn phấn hoa bổ sung (thay thế phấn tự nhiên): Trộn phấn hoa (đã ngâm nước ấm cho nở) với bột đậu nành rang chín theo tỷ lệ 1:1, bổ sung một ít sirô đường để tạo thành hỗn hợp dẻo quánh. Cách cho ăn: Trét hỗn hợp này thành từng bánh nhỏ dọc trên xà cầu để ong thợ tiện ăn và mớm cho ấu trùng.





Kiểm tra đàn ong và cho ong ăn bổ sung

2. Chống rét và quản lý không gian thùng ong

Khí hậu Lào Cai vào mùa khan mật thường đi kèm với các đợt không khí lạnh, ong nội chịu rét khá nhưng nếu tổ quá trống, chúng sẽ bị tốn nhiều năng lượng để quạt khí giữ ấm.

- Hạ cầu dư thừa: Kiên quyết rút bớt những cầu ong già, cầu không có mật hoặc ít quân đậu. Đảm bảo nguyên tắc quân đậu kín mặt cầu, "vừa khít" với số cầu còn lại.

- Dùng vách ngăn và giữ ấm: Ép các cầu ong sát vào nhau, dùng vách ngăn chặn lại. Phía trên nắp thùng và các khoảng trống, bà con có thể lót thêm lá chuối khô băm nhỏ, giấy báo cũ hoặc bao tải sạch để giữ nhiệt độ tổ luôn ổn định ở mức 33 - 35°C.

3. Phòng chống nạn ong cướp mật và giữ vệ sinh tổ

- Thu hẹp cửa tổ: Thu nhỏ cửa ra vào của thùng ong chỉ vừa đủ cho 1 - 2 con ong di chuyển nhằm chắn gió lùa.

Khi đói, bản năng sinh tồn khiến các đàn ong mạnh sẽ đi tàn phá, cướp mật của các đàn ong yếu.

- Xử lý cướp mật: Việc thu hẹp cửa tổ chính là cách tốt nhất để ong bảo vệ dễ canh gác. Nếu thấy có hiện tượng cướp mật, hãy dùng cỏ che bớt cửa tổ của đàn bị tấn công hoặc bôi một ít dầu hỏa xung quanh cửa để đuổi ong lạ.

- Hạn chế mở thùng kiểm tra: Trong những ngày trời rét đậm hoặc mưa phùn, tuyệt đối không mở thùng ong, chỉ kiểm tra nhanh vào những ngày hửng nắng (nhiệt độ trên 15°C) để bổ sung thức ăn rồi đóng lại ngay.

4. Di chuyển đàn ong để tìm nguồn mật

Nếu tại địa phương nguồn mật khan hiếm từ tháng 8 - 11 hằng năm, bà con chủ động di chuyển đàn ong đến các vùng thấp hơn như Bảo Thắng, Văn Bàn, hoặc phường Lào Cai...và đưa đàn ong đến nơi có diện tích trồng cây ăn quả (vải, nhãn), cây công nghiệp hoặc các loại hoa rừng tầm thấp nở sớm hơn để đàn ong tự tìm kiếm thức ăn tự nhiên.

Chăm sóc ong nội mùa khan mật đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên trì và hiểu rõ thời tiết đặc thù của địa phương. Làm tốt công tác "tiếp tế" và giữ ấm trong giai đoạn này, bà con sẽ có một đàn ong khỏe mạnh, sẵn sàng bùng nổ quân số và cho năng suất mật cao nhất vào mùa hoa Xuân Hè năm sau.







Làm tốt công tác tiếp tế và giữ ấm, bà con sẽ có một đàn ong khỏe mạnh

NGÔ ĐĂNG SỸ
Trung tâm Khuyến nông Lào Cai



Quy trình 5 bước
PHỤC HỒI CÂY SẦU RIÊNG SAU HẠN, MẶN

Trước diễn biến phức tạp của hạn hán và xâm nhập mặn dự báo tiếp diễn trong giai đoạn cuối năm 2026 – 2027, vườn sầu riêng tại Đồng bằng sông Cửu Long đối mặt với nhiều nguy cơ suy kiệt và dịch hại. Để ổn định năng suất, bảo vệ vùng nguyên liệu xuất khẩu, nhà vườn cần áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật 5 bước nhằm rửa mặn, tái tạo bộ rễ và phục hồi tán lá cho cây trồng. Quy trình do Viện Cây ăn quả miền Nam giới thiệu.



Lắp đặt hệ thống tưới nước cho vườn sầu riêng

Bước 1: Rửa mặn

Sử dụng nước ngọt liên tục 3 - 5 ngày (ngày tưới 2 - 3 lần mỗi lần 15 - 30 phút, tưới bằng béc phun) để rửa trôi muối tích tụ trong đất. Sau đó tiến hành bón vôi 1kg/cây và tưới nước ngọt để vôi tan trong đất, các ion canxi từ vôi sẽ đẩy các ion Natri bám trên bề mặt keo đất ra ngoài dung dịch để sớm bị rửa trôi. Kiểm tra độ dẫn điện trong đất nếu trị số EC < 1 mS/cm là độ mặn trong đất đạt yêu cầu.

Bước 2: Phục hồi rễ, lá

Sau 7 - 10 ngày rửa mặn cho đất bị nhiễm mặn (bước 1) thì cung cấp dinh dưỡng cho cây (qua lá, qua rễ) để giúp cây sầu riêng phục hồi bộ rễ, phát triển bộ lá mới.

- Phục hồi bộ rễ: Sử dụng chế phẩm từ phân cá ủ (Rootwell) tưới gốc để kích thích hình thành bộ rễ mới. Chế phẩm nấm cộng sinh Mycorrhiza, nấm Trichoderma tưới gốc để hạn chế các nấm (Pythium, Fusarium, Phytophthora palmivora,...) gây hại bộ rễ.

Bổ sung dinh dưỡng khoáng, hữu cơ, các Amino Acid và vitamin cần thiết cho cây trồng có tác dụng tăng khả năng hấp thu dinh dưỡng, giúp phục hồi bộ rễ, tăng đề kháng sâu bệnh. Nấm cộng sinh Mycorrhiza giúp cây trồng chống chịu với điều kiện hạn, mặn, giúp tăng khả năng hấp thu dinh dưỡng. Chú ý là trong giai đoạn này tuyệt đối không bón phân hóa học cho cây sầu riêng

- Phục hồi bộ lá: Song song với việc tái tạo bộ rễ mới, cần tiến hành khôi phục bộ lá mới bằng các loại dinh dưỡng ở dạng hữu cơ - sinh học (do bộ rễ bị hư hại do hạn mặn, nấm bệnh tấn công nên không thể hấp thu nước và dinh dưỡng để nuôi bộ lá mới). Sử dụng phân bón lá có chứa Brassinosteroids (Vitazyme,..) kết hợp với phân bón hữu cơ sinh học có thành phần có Axit humic, axit fulvic (DS Gold,..) (Lượng nước phun 5 lít/cây). Các chế phẩm từ rong biển (seaweed) cũng được khuyến cáo phun lên để cung cấp các dưỡng chất cho bộ lá mới phát triển.

Bước 3: Hỗ trợ bộ lá phát triển

Sau 10 ngày sau khi bón phân phục hồi bộ rễ và bộ lá (Bước 2) thì tiến hành phun dưỡng chất hữu cơ sinh học để nuôi bộ lá phát triển. Sử dụng phân bón hữu cơ qua lá có chứa N, K Si, Ca (Silimax,..) kết hợp bón hữu cơ sinh học có thành phần có Axit humic, axit funvic (DS Gold,..) (Lượng nước phun 7 lít/cây).

Các nguyên tố Canxi (Ca), Kali (K), Silic (Si), các Amino axit (Proline, Glycine, Glutamic Acid,...) làm gia tăng tổng hợp chlorophyll và quang hợp. Silic làm tăng khả năng chống chịu của cây trồng trong các điều kiện bất lợi về dinh dưỡng, hạn hán, sâu bệnh, tăng cường khả năng chịu mặn.

Bước 4: Hỗ trợ bộ rễ và hoàn thiện bộ lá

Sau 10 ngày phun bón lá hỗ trợ bộ lá phát triển (bước 3) thì sử dụng chế phẩm dinh dưỡng tương tự như ở Bước 2: Bón gốc và phun lá.



Sầu riêng bị ảnh hưởng của hạn mặn, bị cháy lá chóp

Bước 5: Tăng cường hấp thu dinh dưỡng

Sau 20 ngày bón phân hỗ trợ bộ rễ và hoàn thiện bộ lá (bước 4), thì tiến hành bón phân cho cây sầu riêng như sau:

Sử dụng phân hữu cơ bón gốc với liều lượng 5 - 10 kg/ cây, đồng thời sử dụng phân bón hữu cơ qua lá có chứa N, P, K Si, Mg (Silimax,..) kết hợp bón hữu cơ sinh học có thành phần có Axit humic, axit funvic (DS Gold,..) với lượng nước phun 10 lít/cây.

Sau 3 tháng áp dụng theo 5 bước này thì cây sầu riêng bị cháy lá < 50% có thể phục hồi cơ bản được bộ lá và bộ rễ.

Tuy nhiên không nên vội xử lý ra hoa mà cần thêm thời gian chăm sóc để phục hồi hoàn toàn bộ tán lá sầu riêng. Trường hợp cây có tổng số lá cháy/rụng > 50 % thì thời gian phục hồi của cây sầu riêng sẽ lâu hơn 4 đến 7 tháng.



Chăm sóc đúng cách sẽ giúp phục hồi hiệu quả vườn sầu riêng

GIỚI THIỆU CÔNG NGHỆ MỚI

Trong khai thác và bảo quản hải sản trên biển

Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định rõ yêu cầu hiện đại hóa đội tàu khai thác; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức lại hoạt động khai thác phù hợp với trữ lượng nguồn lợi, đồng thời nâng cao năng lực quản lý, giám sát và bảo đảm an toàn trong quá trình sản xuất trên biển. Việc ứng dụng các công nghệ mới trong khai thác, bảo quản sẽ tạo nền tảng quan trọng cho phát triển nghề cá hiện đại và có trách nhiệm. Bản tin Khuyến nông Việt Nam giới thiệu một số kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ của Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam.

- Ứng dụng hệ thống tời thủy lực cho nghề lưới chụp ở vùng biển xa bờ

Việc ứng dụng hệ thống này cho thấy hiệu quả rõ rệt so với tời cơ ma sát truyền thống, giảm lao động trực tiếp từ 2-3 người, giảm cường độ lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất. Lợi nhuận tăng khoảng 1,25 lần, thu nhập của lao động tăng khoảng 1,23 lần; mức độ an toàn trong quá trình hoạt động trên biển được cải thiện; tuổi thọ dây giềng rút được kéo dài; diện tích mặt boong phục vụ thao tác sản xuất được mở rộng. Theo kết quả điều tra sơ bộ, hiện nay cả nước có khoảng 500 tàu tự đầu tư lắp đặt hệ thống này. Tuy nhiên, vẫn còn hơn 2.000 tàu chưa được trang bị. Vì vậy, Nhà nước cần tiếp tục có cơ chế hỗ trợ để nhân rộng mô hình vào thực tiễn sản xuất.



- Ứng dụng hệ thống tời thủy lực cho nghề lưới rê tầng đáy

Hiệu quả của ứng dụng công nghệ này giúp giảm số lượng (khoảng 2 người) và sức lao động; thu nhập lao động tăng khoảng 1,28 lần; an toàn hơn khi hoạt động trên biển; giảm thời gian thu lưới xuống còn 0,67 lần; có khả năng trang bị thêm từ 95 cheo lưới. Hiện nay cả nước đã có khoảng 150 tàu tự đầu tư lắp đặt hệ thống này. Tuy nhiên, vẫn còn hơn 800 tàu chưa được trang bị. Hiện nay Trung tâm nghiên cứu Hải sản phía Bắc - Viện Khoa học thủy sản Việt Nam đang tiếp tục nghiên cứu cải tiến cơ giới hóa đồng bộ trang thiết bị khai thác cho nghề lưới vây và lưới rê hỗn hợp.



- Công nghệ lưới rê hỗn hợp: mang lại hiệu quả rõ rệt so với lưới rê truyền thống, cụ thể: năng suất khai thác cao hơn từ 1,13 - 2,6 lần, thời gian thu lưới ngắn hơn, giảm được 3 - 4 lao động, giảm cường độ làm việc và tăng thu nhập cho lao động.

- Công nghệ đèn LED cho nghề lưới chụp và lưới vây:

Đối với nghề lưới vây, năng suất trung bình đạt 2,9 tấn/mẻ, cao hơn 1,21 lần so với tàu đối chứng, tương ứng tăng khoảng 0,5 tấn/mẻ. Lượng dầu sử dụng cho máy phát điện bình quân đạt 53,8 lít/đêm, thấp hơn 1,71 lần so với tàu đối chứng. Như vậy, việc sử dụng đèn LED trong khai thác hải sản giúp tiết kiệm khoảng 41,6% nhiên liệu chạy máy phát điện so với sử dụng đèn Metal Halide.



Trang bị đèn LED trên tàu khai thác xa bờ

Đối với nghề lưới chụp, sản lượng khai thác của tàu sử dụng đèn LED cao hơn 1,28 lần so với tàu sử dụng đèn cao áp Metal Halide; lợi nhuận đạt cao hơn 2,5 lần; đồng thời tiết kiệm khoảng 35,8% nhiên liệu chạy máy phát điện. Bên cạnh đó, hiệu suất phát quang của đèn LED cao hơn 1,2 lần, thời gian tái khởi động rất nhanh, dưới 5 giây, và tuổi thọ cao hơn 3,3 lần so với đèn Metal Halide. Việc sử dụng đèn LED còn góp phần giảm tải cho máy phát điện, qua đó nâng cao tuổi thọ thiết bị, giảm phát thải CO_2 và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Công nghệ bảo quản sống mực nang, mực lá: Mực được bảo quản sống trong hầm thông thủy trên tàu, kết hợp quy trình thuần dưỡng và vận chuyển từ cảng đến nơi tiêu thụ, tạo chuỗi cung ứng sản phẩm sống từ khai thác đến thị trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy mực nang và mực lá đạt tỷ lệ sống 90% sau thời gian bảo quản từ 10 ngày trở lên, với mật độ tương ứng 40 kg/m^3 và 24 kg/m^3. Giá trị sản phẩm bảo quản sống cao hơn lần lượt 220% và 275% so với bảo quản lạnh. Giá bán tại cảng được ghi nhận đạt 250.000-300.000 đồng/kg đối với mực nang và 500.000-600.000 đồng/kg đối với mực lá.

- Công nghệ đá sệt trong bảo quản thủy sản: Đá sệt được sản xuất từ nước biển, gồm các tinh thể đá nhỏ, có nhiệt độ khoảng −1 đến −2°C. Khả năng tiếp xúc tốt với bề mặt sản phẩm giúp làm lạnh nhanh, đồng đều. Hệ thống thiết bị nhỏ gọn, điều khiển bán tự động, phù hợp với tàu cá vỏ gỗ.



Chuyến biển bội thu của bà con ngư dân

Đá sệt duy trì chất lượng cá tốt đến 20 ngày, so với khoảng 12 ngày khi bảo quản bằng đá xay, đồng thời không làm cá đông cứng. Ngư dân có thể chủ động sản xuất đá trên biển theo sản lượng khai thác và thời gian chuyến biển. Việc tận dụng nguồn điện sẵn có trên tàu giúp chi phí vận hành tương đương hoặc thấp hơn chi phí mua đá cây, đồng thời thấp hơn nhiều so với hệ thống cấp đông.

- Công nghệ nano UFB trong bảo quản thủy sản: Nano UFB sử dụng bọt khí nitơ siêu nhỏ trong nước biển lạnh tuần hoàn, giúp giảm oxy hòa tan, hạn chế hoạt động của vi sinh vật hiếu khí và quá trình oxy hóa, qua đó kéo dài độ tươi của sản phẩm.

Kết quả thực tiễn cho thấy cá ngừ bảo quản bằng nano UFB có tỷ lệ loại A đạt 73%, gấp 10,4 lần phương pháp truyền thống; thời gian bảo quản đạt 25 ngày, so với 12 ngày. Kết quả sản xuất ghi nhận tiết kiệm khoảng 50% lượng nước đá, giảm 5% chi phí chuyến biển và lợi nhuận gấp 2,1 lần. Thời gian hoàn vốn đầu tư, bao gồm hầm cách nhiệt PU, khoảng 12 tháng.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả, an toàn và tính bền vững trong khai thác, bảo quản hải sản. Nhiều công nghệ đã chứng minh hiệu quả rõ rệt. Tuy nhiên, việc ứng dụng và nhân rộng công nghệ khai thác và bảo quản còn hạn chế, chưa đồng bộ; hạ tầng, nguồn lực đầu tư và chuyển đổi số chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

QUẢN LÝ THỨC ĂN Cho tôm hùm nuôi lồng





Thức ăn là một trong những khoản chi phí lớn trong nuôi tôm hùm lồng, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng, sức khỏe tôm và chất lượng môi trường khu vực nuôi. Quản lý khẩu phần, thời điểm và cách cho ăn phù hợp giúp hạn chế thức ăn thừa, giảm chất thải và nâng hiệu quả sử dụng thức ăn.

1. Chọn thức ăn phù hợp

Thức ăn cho tôm hùm nuôi lồng thường là cá tạp, giáp xác, nhuyễn thể và một số loại thức ăn có nguồn gốc động vật khác. Thức ăn cần đảm bảo tươi, không ôi thiu, không nghiễm nấm mốc hoặc hóa chất và có kích thước phù hợp với cỡ tôm.

Cá, cua, ghẹ, sò, ốc dùng làm thức ăn cần được kiểm tra trước khi cho tôm ăn. Không sử dụng nguyên liệu có dấu hiệu phân hủy hoặc có mùi bất thường. Thức ăn có chất lượng kém không chỉ làm giảm khả năng bắt mồi mà còn làm tăng lượng chất hữu cơ trong nước.

Đối với thức ăn là cá tạp, cần sơ chế phù hợp, loại bỏ phần không cần thiết và cắt thành kích thước vừa miệng tôm. Với tôm nhỏ, thức ăn cần được cắt nhỏ hơn, khi tôm lớn, có thể sử dụng miếng thức ăn có kích thước lớn hơn.

2. Điều chỉnh khẩu phần

Nhu cầu thức ăn của tôm thay đổi theo kích cỡ, tuổi, sức khỏe, nhiệt độ nước và điều kiện môi trường. Vì vậy, không nên duy trì một khẩu phần cố định trong suốt vụ nuôi.

Tôm khỏe, bắt mồi tốt có thể tăng lượng thức ăn theo sinh khối. Ngược lại, khi tôm giảm hoạt động, bắt mồi kém hoặc môi trường biến động, cần giảm khẩu phần và theo dõi khả năng sử dụng thức ăn.

Sau khi cho ăn, cần quan sát mức độ bắt mồi và lượng thức ăn còn lại. Đây là cơ sở quan trọng để điều chỉnh lượng thức ăn cho lần tiếp theo. Nếu thức ăn thường xuyên còn nhiều sau thời gian cho ăn, cần giảm khẩu phần thay vì tiếp tục duy trì lượng cũ.





Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra mô hình nuôi tôm hùm bằng lồng HDPE tại tỉnh Khánh Hòa

3. Cho ăn nhiều lần

Tôm hùm có tập tính ăn chủ yếu vào ban đêm và thường hoạt động mạnh hơn khi điều kiện ánh sáng giảm. Do đó, việc bố trí thời gian cho ăn cần phù hợp với tập tính của tôm.

Có thể chia khẩu phần thành nhiều lần trong ngày, trong đó tập trung vào những thời điểm tôm hoạt động và bắt mồi mạnh. Cho ăn nhiều lần với lượng vừa phải giúp tôm tiếp cận thức ăn tốt hơn, đồng thời hạn chế lượng thức ăn tồn dư trong lồng.

Khi cho ăn, nên rải đều thức ăn trong khu vực lồng để hạn chế tình trạng tôm tập trung quá mức tại một vị trí.



4. Kiểm soát thức ăn dư thừa

Thức ăn dư thừa là nguồn phát sinh chất hữu cơ đáng kể trong lồng nuôi. Phần thức ăn không được sử dụng sẽ phân hủy, làm tăng chất thải và ảnh hưởng đến chất lượng nước xung quanh lồng.

Sau mỗi lần cho ăn cần kiểm tra lượng thức ăn còn lại để kịp thời thu gom. Không nên để thức ăn còn lại trong lồng qua thời gian dài. Khi phát hiện thức ăn thừa nhiều, cần xem xét lại khẩu phần, chất lượng thức ăn, kích cỡ thức ăn cũng như thời điểm cho ăn.

5. Lưu ý khi môi trường biến động

Mưa lớn, nhiệt độ thay đổi, độ mặn giảm hoặc dòng chảy yếu đều có thể ảnh hưởng đến khả năng bắt mồi của tôm. Trong những thời điểm này, cần theo dõi hoạt động của tôm trước và trong quá trình cho ăn. Nếu tôm bắt mồi yếu, nên giảm lượng thức ăn hoặc tạm ngưng cho ăn tùy mức độ biến động. Khi môi trường ổn định và tôm trở lại trạng thái hoạt động bình thường, có thể tăng dần khẩu phần. Đối với lồng nuôi đặt tại khu vực có dòng chảy mạnh, người nuôi cần chú ý cách đưa thức ăn vào lồng để hạn chế thức ăn bị cuốn ra ngoài trước khi tôm sử dụng.

6. Theo dõi tôm và môi trường

Quản lý thức ăn không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng mà còn liên quan trực tiếp đến chất lượng môi trường nuôi. Lượng thức ăn đưa vào cần được cân đối với tôm sinh khối và khả năng sử dụng thực tế của tôm.

Định kỳ theo dõi tốc độ tăng trưởng, tỷ lệ sống, lượng thức ăn sử dụng và tình trạng môi trường để đánh giá hiệu quả. Khi lượng thức ăn tăng nhưng tốc độ tăng trưởng không cải thiện, cần xem xét chất lượng thức ăn, khẩu phần và khả năng bắt mồi của tôm.

Với thức ăn tươi, việc bảo quản và vệ sinh dụng cụ sơ chế cũng cần được thực hiện thường xuyên. Thức ăn được bảo quản không đúng cách có thể nhanh chóng giảm chất lượng, đặc biệt trong điều kiện nhiệt độ cao.

VIỆN KHTSVN





Giải pháp thú y
CHO VỊT CON TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU

Giai đoạn vịt con từ khi nở đến 4 tuần tuổi là thời kỳ cực kỳ quan trọng và nhạy cảm. Đây là giai đoạn vịt chưa hoàn thiện hệ tiêu hóa, miễn dịch yếu, dễ bị tác động bởi môi trường, dinh dưỡng và mầm bệnh. Dưới đây là các giải pháp thú y trọng tâm giúp bảo vệ và nâng cao sức đề kháng cho vịt con trong giai đoạn non.

Chọn giống và kiểm dịch đầu vào

Chọn giống khỏe mạnh, có nguồn gốc rõ ràng. Trại giống cần có quy trình phòng bệnh, tiêm phòng đầy đủ và có giấy kiểm dịch của cơ quan thú y. Khi tiếp nhận vịt con, cần cách ly quan sát trong 3 – 5 ngày đầu để phát hiện các dấu hiệu bất thường. Nếu phát hiện vịt yếu, lờ đờ, đi phân trắng hoặc xanh, cần loại bỏ sớm để tránh lây lan mầm bệnh cho cả đàn.

Sát trùng chuồng trại trước khi úm

Chuồng úm cần được vệ sinh sạch sẽ, sát trùng bằng các hóa chất phổ biến như Bencoxan, Virkon S hoặc Iodine trước khi thả giống ít nhất 3 ngày. Dụng cụ ăn uống cũng cần ngâm sát trùng và phơi khô. Có thể rắc vôi bột dưới nền chuồng để tiêu diệt mầm bệnh tồn lưu.

Sau khi đưa vịt con vào chuồng, cần cho uống nước pha điện giải và Vitamin C để phục hồi sức sau vận chuyển. Sau đó sử dụng kháng sinh phòng phổ rộng trong 3 – 5 ngày đầu để kiểm soát các bệnh do vi khuẩn thường gặp, như: Colistin hoặc Enrofloxacin (liều 1ml/lít nước): Phòng E.coli, viêm rốn, tiêu chảy sớm; Tylosin hoặc Doxycycline để hỗ trợ phòng bệnh hô hấp. Kết hợp bổ sung men tiêu hóa, Vitamin ADE, B1, B-complex và glucose để kích thích ăn, tăng khả năng tiêu hóa và đồng hóa dinh dưỡng.

Tiêm phòng theo lịch bắt buộc

Vịt con cần được tiêm phòng một số bệnh truyền nhiễm phổ biến để tạo miễn dịch chủ động. Có thể áp dụng như sau:

Ngày tuổi	Bệnh cần phòng	Hình thức
3 - 5 ngày	Dịch tả vịt (Vịt Newcastle)	Tiêm dưới da cổ hoặc cơ đùi
7 - 10 ngày	Viêm gan do virus (Duck hepatitis virus)	Uống hoặc tiêm
14 - 18 ngày	Tụ huyết trùng	Tiêm dưới da
21 ngày	Cúm gia cầm (theo quy định vùng)	Tiêm hoặc uống

Nên dùng vắc-xin chính hãng, bảo quản lạnh đúng nhiệt độ (2 – 8°C) và tiêm đủ liều, đúng kỹ thuật. Sau tiêm phòng nên bổ sung Vitamin C, B1, B12, glucose hoặc điện giải để giảm stress cho vịt.

Vịt con rất dễ mắc bệnh hô hấp như CRD, viêm phổi, hen khẹc, đặc biệt khi nhiệt độ chuồng úm không ổn định hoặc môi trường ẩm. Khi phát hiện vịt kêu rít, vươn cổ, thở khó, cần lập tức dùng các kháng sinh đặc trị hô hấp như:

• Tylosin 10%, tiêm 0,5 – 1 ml/kg thể trọng/ngày trong 3 ngày.

• Hoặc trộn Doxycycline vào thức ăn hoặc nước uống.

Giữ chuồng khô ráo, tăng thông gió và bổ sung Vitamin E, C, B1 để tăng sức đề kháng. Ngoài biện pháp thú y truyền thống, có thể áp dụng các sản phẩm từ thảo dược như tỏi, lá trầu không, lá ổi, kết hợp men vi sinh như Bacillus subtilis, Saccharomyces spp. để phòng bệnh tiêu hóa, nâng cao miễn dịch tự nhiên.

Quản lý tiêu hóa và phân đàn

Một trong những vấn đề thường gặp ở vịt con là tiêu chảy do rối loạn tiêu hóa hoặc nhiễm khuẩn E.coli, Salmonella. Cần thường xuyên quan sát phân, màu sắc và tần suất đi tiêu để phát hiện sớm vấn đề. Nếu phân loãng, mùi tanh, có bọt hoặc máu, cần lập tức bổ sung men vi sinh, khoáng điện giải và điều trị bằng kháng sinh đặc hiệu (ví dụ Norfloxacin, Florfenicol, Gentamicin tùy theo chẩn đoán).

Trong trường hợp phân đàn không đồng đều, có vịt còi cọc, cần cách ly, tăng cường chăm sóc riêng để vịt phục hồi nhanh.

Tăng cường an toàn sinh học Trong chăn nuôi

Hiện nay, dịch bệnh nguy hiểm trên vật nuôi như Dịch tả lợn châu Phi, cúm gia cầm đang diễn biến rất phức tạp nhưng kiến thức an toàn sinh học của người chăn nuôi đang rất hạn chế, ngay cả những chủ trang trại, gia trại có quy mô chăn nuôi lớn. Vì vậy, rất cần tăng cường kiến thức an toàn sinh học cho người chăn nuôi, đặc biệt là phù hợp với chăn nuôi nông hộ, gia trại để vật nuôi khỏe mạnh, ít bệnh, tỷ lệ hao hụt thấp, năng suất cao, đảm bảo sức khỏe cho người chăn nuôi, hạn chế lây lan dịch bệnh.

ÁP DỤNG CHĂN NUÔI AN TOÀN SINH HỌC

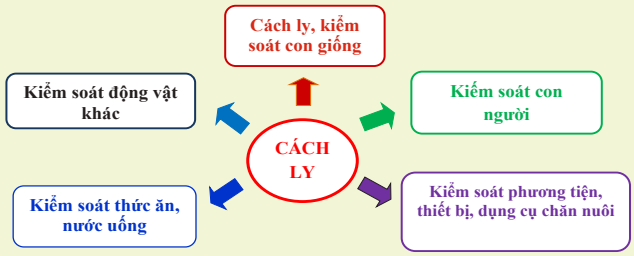

1. ĐẢM BẢO CÁCH LY, KIỂM SOÁT VÀO, RA KHU VỰC CHĂN NUÔI

Thực hiện cách ly bằng cách xây dựng cổng, tường, hàng rào, vách ngăn giữa các khu vực, bố trí biển cảnh báo, đồng thời cách ly thời gian giữa các lứa nuôi, góp phần ngăn chặn được các loại mầm bệnh từ bên ngoài xâm nhập vào khu chăn nuôi và ngược lại.

Để đảm bảo an toàn sinh học, cần kiểm soát con giống, con người, dụng cụ, phương tiện vận chuyển, thức ăn, nước uống, vật tư, động vật, côn trùng...

a. Cách ly và kiểm soát giống mới nhập về

Con giống khỏe mạnh mua từ cơ sở an toàn dịch bệnh, có nguồn gốc rõ ràng, được tiêm phòng đầy đủ và có bảo hành.Không nhập giống mới ngay vào đàn đang nuôi mà phải nuôi cách ly đàn mới mua về ít nhất 2 tuần, càng xa chuồng đang nuôi càng tốt. Thường xuyên quan sát bất kỳ biểu hiện bất thường nhằm phát hiện những con ủ bệnh để thực hiện phòng và trị bệnh kịp thời.

Đối với những chuồng, trại chăn nuôi mới xảy ra dịch bệnh, chỉ nhập giống khi chuồng trại đã khử trùng, trống chuồng theo đúng quy định của thú y, cần thiết phải nuôi chỉ báo, khi đàn vật nuôi đó an toàn mới tăng quy mô đàn.

b. Kiểm soát con người

- Mầm bệnh có thể lây lan từ bên ngoài vào trại chăn nuôi thông qua tay, chân, quần áo, giày dép của người khi tiếp xúc với vật nuôi, vì vậy khi dịch bệnh đe dọa, cần thực hiện "nội bất xuất, ngoại bất nhập", người chăn nuôi làm việc, ăn ở tại chỗ, cố định người và dụng cụ chăn nuôi cho từng dãy chuồng, từng khu riêng biệt. Nếu nhà ở gần khu chăn nuôi, không đưa thực phẩm tươi sống của động vật cùng loài với vật đang nuôi về nhà.

- Tất cả người làm, khách khi vào ra khu vực chăn nuôi đều phải: Thay quần áo bảo hộ; Thay giày dép/ủng dành riêng cho khu vực chăn nuôi; Rửa tay bằng xà phòng cả trước và sau khi tiếp xúc với vật nuôi và các nguồn lây nhiễm khác.



Kiểm soát đối tượng ra, vào khu vực chăn nuôi

- Khi di chuyển giữa các khu vực nuôi cần thay, khử trùng giày, ủng, quần, áo, rửa tay chân bằng xà phòng.

- Chỉ những người thực sự cần thiết mới được vào chuồng, trại. Người buôn bán không được phép vào chuồng, trại.

- Hạn chế tối đa việc khách tham quan đến thăm.

- Người thực hiện công việc chăn nuôi nên hạn chế đến các hộ, trại chăn nuôi khác hoặc đến các chợ buôn bán vật nuôi và sản phẩm chăn nuôi. Tuyệt đối không đi lại hoặc tham quan hay chữa trị bệnh vật nuôi của các hộ, trại chăn nuôi ở khu vực đang bùng phát hoặc nguy cơ cao xảy ra dịch bệnh.

c. Kiểm soát phương tiện vận chuyển

Phương tiện vận chuyển phải đỗ ở bên ngoài chuồng, trại, càng xa càng tốt. Đặc biệt, không cho phương tiện vận chuyển của thương lái đến gần chuồng, trại.Chỉ cho vào những trường hợp đặc biệt, nhưng phải đi qua hố khử trùng, cọ rửa và phun khử trùng kỹ, nhất là lốp xe, gầm xe...

d. Kiểm soát các trang thiết bị, dụng cụ

Chỉ những trang thiết bị, dụng cụ thật cần thiết mới được đưa vào chuồng, trại sau khi đã vệ sinh, khử trùng cẩn thận.Lưu ý với dụng cụ mang về từ ngoài vào như lồng, xe vận chuyển, bơm tiêm, ... cần vệ sinh, khử trùng kỹ.

e. Kiểm soát thức ăn

- Nguy cơ gây bệnh từ thức ăn, đặc biệt thức ăn tận dụng từ nhà hàng, cần đun sôi 100^{0}C để diệt mầm bệnh nếu có.

- Giải pháp loại trừ nguy cơ gây bệnh do thức ăn:

+ Chỉ mua thức ăn chất lượng tốt từ cơ sở sản xuất thức ăn có uy tín. Thức ăn thơm ngon, còn hạn sử dụng, tơi xốp, không ẩm mốc, vón cục.

+ Nếu tự chế biến thức ăn: Nguyên liệu phải khô, không ẩm mốc, ngũ cốc phải còn nguyên hạt, không dập vỡ.

+ Bảo quản thức ăn trong kho đúng kỹ thuật: kê trên kệ, cách tường...

+ Luôn đậy kín hoặc bao gói kín thức ăn dùng dở để tránh chuột, côn trùng, chim hoang... gây ô nhiễm.

+ Thường xuyên vệ sinh máng ăn sạch sẽ.

+ Không để máng uống hoặc nước mưa ảnh hưởng đến thức ăn.

+ Không vận chuyển thức ăn đi qua ổ dịch.

+ Nếu dịch tễ đang phức tạp, cần xông khử trùng



kho thức ăn ngay sau khi nhập, trước khi cho vật nuôi sử dụng.

g. Kiểm soát nước uống

Nước có thể bị nhiễm mầm bệnh, hóa chất, kim loại nặng từ nguồn cung cấp hoặc từ dụng cụ chứa đựng.Dùng nước sạch đảm bảo chất lượng như nước máy, nước giếng khoan có qua lọc.

Kiểm tra bể chứa thường xuyên, che đậy bể chứa đảm bảo không bị các loại tạp chất và chất bẩn xâm nhập, cọ rửa sạch máng uống hàng ngày. Định kỳ lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước.

h. Kiểm soát động vật khác, côn trùng

**** Chim hoang dã***

- Nguy cơ: Truyền bệnh qua tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp qua thức ăn, nước uống bị ô nhiễm phân, dịch tiết có chứa mầm bệnh.

- Giải pháp: Có lưới che, giữ kho thức ăn sạch sẽ, không vãi thức ăn, chuồng nuôi luôn đóng cửa.

**** Vật nuôi khác***

- Nguy cơ: Chó, mèo... có thể mang một số mầm bệnh truyền vào chuồng nuôi thông qua phân, xác vật nuôi,...

- Giải pháp: Không cho bất kỳ loại động vật khác nào vào chuồng nuôi, lắp lưới ở cửa sổ và luôn đóng kín cửa ra vào.

**** Chuột***

- Nguy cơ: Chuột là vật trung gian truyền bệnh, ăn thức ăn, cắn dây, ống...

- Giải pháp: Dọn dẹp các đống rác xung quang chuồng, quét dọn thức ăn thừa, phát quang bui rậm, thường xuyên đặt bẫy, đánh bả chuột. Đặc biệt có thể dùng nilon chắn đường đi của chuột hoặc với những trang trại, có thể rải đá răm sắc cạnh xung quanh chuồng nuôi sẽ rất hiệu quả hoặc rải vôi dày trên đường chuột hay đi qua vì vôi bột sẽ xông lên mũi, chuột khó thở.

**** Côn trùng (ruồi, nhặng, ve, rận, bọ cánh cứng)***

- Nguy cơ: Mang trùng, vật trung gian truyền bệnh.

- Giải pháp: Không để nước đọng xung quanh khu vực chăn nuôi, dọn sạch chất thải rắn: phân

rác, xác chết..., xịt thuốc diệt côn trùng, ký sinh trùng thường xuyên.

2. TĂNG CƯỜNG VỆ SINH LÀM SẠCH

Vệ sinh, làm sạch chuồng nuôi, phương tiện vận chuyển, dụng cụ chăn nuôi giúp loại bỏ trên 80% mầm bệnh.

- Vệ sinh khô: Hàng ngày thực hiện quét dọn, thu gom rác và chất thải (phân, rác...) cho vào nơi quy định để xử lý đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Vệ sinh ướt: Cọ rửa sạch dụng cụ, chuồng trại bằng nước với xà phòng hoặc chất tẩy rửa. Thực hiện sau khi vệ sinh khô và theo nguyên tắc từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài.

- Đối với chuồng, trại xảy ra dịch nguy hiểm, cần phun khử trùng kỹ trước khi rửa chuồng, dụng cụ chăn nuôi, nước rửa phải thu gom khử trùng, không để chảy tràn lan, tránh phát tán, lây lan dịch bệnh.

3. KHỬ TRÙNG

a. Đối tượng, thời điểm và thời gian khử trùng

Thường xuyên khử trùng phương tiện vận chuyển, quần áo, dụng cụ (bơm, kim tiêm,...) trước khi vào chuồng, trại.

Định kỳ khử trùng chuồng, trại, tùy tình hình dịch tễ, nếu đang có dịch hoặc nguy cơ dịch đe dọa, phun khử trùng 1-2 lần/ngày, nếu dịch tễ an toàn, có thể phun 1 lần/tuần.

Tổng vệ sinh, khử trùng, trống chuồng sau khi kết thúc mỗi lứa nuôi.



b. Nguyên tắc và các bước phun khử trùng

** Nguyên tắc thực hiện*

Phun khử trùng sau khi đã làm vệ sinh sạch sẽ.

Sử dụng đúng nồng độ, liều lượng, đảm bảo thời gian tiếp xúc ít nhất 10 phút với bề mặt sạch. Chỉ sử dụng các chất khử trùng được khuyến cáo, pha dung dịch khử trùng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất. Đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi.



Phun xuôi chiều gió, từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài. Phun theo hình chữ Z, lượt sau phun đè lên một phần của lượt trước để thuốc thấm đều lên toàn bộ bề mặt cần khử trùng.

** Những chuẩn bị cần thiết khi khử trùng*

Sau khi vệ sinh làm sạch, để đảm bảo thực hiện khử trùng đúng kỹ thuật và đảm bảo an toàn, người chăn nuôi cần chuẩn bị tốt các điều kiện về thiết bị, hoá chất, và các dụng cụ bảo hộ nhằm đảm bảo an toàn cho người và vật nuôi, cụ thể:

- Chuẩn bị đầy đủ trang bị bảo hộ cá nhân: quần áo bảo hộ (quần dài, áo dài tay), ủng, mặt nạ phòng độc/khẩu trang phòng hoá chất, kính bảo hộ, mũ và găng tay.

- Đọc kỹ thông tin ghi trên nhãn mác để chuẩn bị nguyên liệu và dụng cụ pha thuốc cho phù hợp: Tên hóa chất, thành phần, tỷ lệ pha, liều pha, mức độ độc hại, các yêu cầu về dụng cụ,...

c. Xông khử trùng

Đối với những vật tư chăn nuôi khó phun khử trùng như thức ăn chăn nuôi hoặc có thể khử trùng quần áo, bảo hộ lao động, dụng cụ, vật tư chăn nuôi....

Cần thiết kế buồng xông, buồng kín hạn chế khí thoát ra ngoài, hoặc dùng bạt kín chùm toàn bộ đống thức ăn hoặc dụng cụ cần xông và đặt chậu xông ở dưới để khí xông lan tỏa đều cả khu vực cần khử trùng.

Nồng độ xông: 17,5 gam thuốc tím + 35 ml formol + 35 ml nước/m^3 thể tích buồng xông/30 phút (dùng chậu sành, đổ thuốc tím vào sau đó đổ formol và nước, đóng cửa nhanh, người thao tác phải có bảo hộ lao động).

Nhiều tín hiệu tích cực cho xuất khẩu gạo

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, hết tháng 10/2026, Việt Nam xuất khẩu khoảng 475.500 tấn gạo, thu về 252,9 triệu USD. Lũy kế 10 tháng, xuất khẩu đạt 6,8 triệu tấn, trị giá 3,31 tỷ USD, giảm 4,6% về lượng và 9,7% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu bình quân đạt 484 USD/tấn, giảm 5,4%.

Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, chiếm 40,9% kim ngạch. Trung Quốc đứng thứ hai với 17,5%, tiếp đến là Ghana với 13,7%. Tuy nhiên, một động lực quan trọng là việc Philippines cấp giấy phép kiểm dịch vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), cho phép doanh nghiệp nước này nhập khẩu 300.000 tấn gạo Việt Nam trong tháng 11/2026.

Nhu cầu tăng đã đẩy giá gạo thơm 25% tấm vượt 500 USD/tấn, có thời điểm đạt 540 USD/tấn, tăng 50-60 USD/tấn so với cuối tháng 10. Giá gạo thơm 5% tấm cũng tăng lên 515 USD/tấn, trong khi gạo Jasmine đạt 539 USD/tấn. Bên cạnh Philippines, khách hàng từ Trung Quốc và các thị trường châu Phi tăng mua gạo ST25, gạo nếp phục vụ nhu cầu tiêu dùng dịp Tết Nguyên đán.

thanhtra.com.vn

Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản hướng tới mục tiêu 74 tỷ USD

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, sản xuất nông, lâm, thủy sản trong 10 tháng đầu năm 2026 ổn định, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Lĩnh vực trồng trọt, sản lượng lúa ước đạt gần 37 triệu tấn, bằng 98% kế hoạch; năng suất bình quân đạt 63,3 tạ/ha, tăng 1,2%. Chăn nuôi tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ở một số vật nuôi chủ lực, với tổng đàn heo tăng 5,2%, đàn gia cầm tăng 3,5%. Đối với thủy sản, tổng sản lượng ước đạt 8,85 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng của ngành. Trong 10 tháng, kim ngạch xuất khẩu NLTS đạt 63 tỷ USD, tăng 8%. Kim ngạch nhập khẩu đạt 44,1 tỷ USD, tăng 8,8%, đưa giá trị xuất siêu toàn ngành lên 18,9 tỷ USD, tăng 6,4%.

Hiện tại, ngành Nông nghiệp và Môi trường tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp, phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026. Đáng chú ý, để hoàn thành mục tiêu kim ngạch xuất khẩu NLTS cả năm đạt 74 tỷ USD, trong 2 tháng cuối năm, toàn ngành cần đạt thêm khoảng 11 tỷ USD, bình quân 5,5 tỷ USD mỗi tháng.

vnbusiness.vn



Lý Sơn - MÙA TỎI









Mùa măng mai

LÂM THƯỢNG - LÀO CAI









www.khuyennongvn.gov.vn

Quét để tải tài liệu